DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
DAT PHUONG GROUP

Số/No.: 208 /ĐP-BQHCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026.
Hanoi, 15 May 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**
To: ***Ho Chi Minh City Stock Exchange***

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương
Name of organization: Dat Phuong Group Joint Stock Company
- Mã chứng khoán / *Stock code*: DPG
- Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Address: 15th Floor, Handico Building, Me Tri Ha New Urban Area, Pham Hung Street, Tu Liem Ward, Hanoi, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ / *Telephone*: 0243 7830856 Fax : 0243 7830859
- E-mail : bqhcodong@datphuong.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of the disclosed information:*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (DPG) công bố thông tin:
Dat Phuong Group Joint Stock Company (DPG) announces the following information:
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 28) *Charter of Dat Phuong Group Joint Stock Company (the 28th amended and supplemented version);*
- Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (bản sửa đổi, bổ sung) *Corporate Governance Regulation of Dat Phuong Group Joint Stock Company (amended and supplemented version);*
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (bản sửa đổi, bổ sung).
Operating Regulation of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company (amended and supplemented version).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương vào ngày 15/5/2026 tại đường dẫn www.datphuong.com.vn mục "Quan hệ cổ đông".

This information was disclosed on the website of Dat Phuong Group Joint Stock Company on 15 May 2026 at the link: www.datphuong.com.vn, "Shareholder Relations" section.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên dây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate and we take full responsibility before the law for the disclosed information.

Đại diện tổ chức

Representative of the organization

Người được ủy quyền công bố thông tin

Authorized Person for Information Disclosure

Lê Thị Lộc

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 48/QĐ-ĐP-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương; Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số: 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này các văn bản sau theo Nghị quyết số: 02/NQ-DP-DHDCD ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (sửa đổi, bổ sung lần thứ 28).
- Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (bản sửa đổi, bổ sung tháng 05 năm 2026).
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (bản sửa đổi, bổ sung tháng 05 năm 2026).

Điều 2. Các văn bản sửa đổi, bổ sung nêu tại Điều 1 thay thế cho các văn bản tương ứng đã được ban hành trước đây.

Điều 3. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ công ty, các cổ đông và những bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Lương Minh Tuấn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Điều lệ lần thứ 28

Tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6
III. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 11
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 12
Điều 12. Quyền của cổ đông 12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 17. Thay đổi các quyền 18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 26

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 34
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 35
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 35
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 35
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 35
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN 37
Điều 36. Cơ cấu tổ chức 37
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán: 37
Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán: 38
Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 39
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng 39
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 39
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 41
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 41
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 42
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 42
Điều 47. Phân phối lợi nhuận 42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 42
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 42
Điều 49. Năm tài chính 43
Điều 50. Chế độ kế toán 43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 43
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 43
Điều 52. Báo cáo thường niên 43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 44
Điều 53. Kiểm toán 44
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 44

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 44
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 44
Điều 55. Giải thể công ty 44
Điều 56. Gia hạn hoạt động 44
Điều 57. Thanh lý 45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 45
Điều 59. Điều lệ công ty 45
XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 46
Điều 60: Điều khoản thi hành 46
PHỤ LỤC 01 47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p. Cổ tức: là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.

q. Giá thị trường:

- Giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

- Giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với phần vốn góp hoặc cổ phần không thuộc trường hợp cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

r. Giấy tờ pháp lý cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

s. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp: là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAT PHUONG GROUP JSC
- Tên giao dịch: TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
- Tên Công ty viết tắt: DAT PHUONG GROUP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Email: info@datphuong.vn

Website: www.datphuong.com.vn

4. Chi nhánh văn phòng đại diện của công ty:

Hội đồng quản trị công ty quyết định việc chuyển trụ sở, lập hay huỷ bỏ chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

III. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng	4673
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị; - Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng)	6810
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
5	Cho thuê xe có động cơ	7710
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi - Xây dựng và lắp đặt các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Luật điện lực 2004 và Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước)	4299 (chính)
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
11	Phá dỡ Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển	4311

12	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển	4312
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển	4322
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển	4329
15	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển	4330
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thuê, cho thuê cần trục có người điều khiển;	4390
17	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
18	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
19	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ: Thăm dò dư luận)	7320
20	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
21	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
22	Quảng cáo (Loại trừ: quảng cáo thuốc lá và các hàng hóa bị cấm quảng cáo)	7310
23	Xây dựng nhà để ở	4101
24	Xây dựng nhà không để ở	4102
25	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27	Xây dựng công trình điện (Loại trừ: Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221
28	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

29	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30	Xây dựng công trình công ích khác (Loại trừ: Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4229
31	Xây dựng công trình thủy (Loại trừ: - Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội; - Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải)	4291
32	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Không bao gồm kinh doanh trò chơi điện tử)	9311
36	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
37	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
	(Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Phụ thuộc vào tình hình kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là 1.185.870.960.000 VNĐ (Bằng chữ: Một nghìn một trăm tám mươi lăm tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu tư nhân.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 118.587.096 cổ phần (Một trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi sáu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và Tổng Giám đốc.

Trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HIội đồng quản trị.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại Điều 4 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công ty còn có các quyền theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Diều 118 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, và trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội dồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội dồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ dông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 18 Diều lệ này;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội dồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ dông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ dông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên dược cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ dông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Diều lệ công ty.

5. Cổ dông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau dây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và

thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

c. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

h. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;

n. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

o. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

p. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

q. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;

r. Quyết định Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ trường hợp quy định tại điểm v khoản này;

s. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

t. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi thì việc chi trả cổ tức được thực hiện theo quy định pháp luật trong đó điều kiện, trình tự thủ tục cho việc thay đổi hoặc hủy bỏ được thực hiện như sau:

Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông và sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định

họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó.

b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

c. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết và vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến do Công ty phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý như nhau, nếu có mâu thuẫn giữa hai biên bản thì lấy bản tiếng Việt làm gốc. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp

ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản cuộc họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HIội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HIội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử số lượng ứng viên bằng số lượng thành viên HĐQT đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và/hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên và ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.

5. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

7. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

9. Số lượng thành viên HĐQT không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các

phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó

s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác thay mặt cho Hội đồng quản trị đại diện xử lý công việc của công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên HĐQT theo nguyên tắc mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu bầu như nhau, ai được số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng Chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp có nhiều hơn một người có số phiếu cao nhất bằng nhau thì sẽ bầu lại theo nguyên tắc trên chỉ trong số những người có số phiếu cao nhất đó.

2. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

10. Nếu được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở nếu được thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp

13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

14. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được quá nửa thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

16. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích

trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HIội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

17. Biên bản họp hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý, nếu có nội dung mâu thuẫn giữa hai biên bản thì bản tiếng Việt được lấy làm gốc. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản này thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HIội đồng quản trị/thành viên HIội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HIội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy

định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong hoạt động nhân sự, lương thưởng

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm: Các phó Tổng Giám đốc, các phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

Hội đồng quản trị quyết định thành lập, giải thể các Phòng, Ban chuyên môn căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

- Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

- Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu vi phạm một trong các quy định sau:

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;

- Các hành vi khác gây thiệt hại đến uy tín và lợi ích của Công ty;

- Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f. Tuyển dụng lao động;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

i. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

k. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

n. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

7. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 36. Cơ cấu tổ chức

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có hiểu biết nhất định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

8. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết

9. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

10. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán:

1. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một lần và được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.
3. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên HIội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám dốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HIội đồng quản trị, Tổng giám dốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan như sau:

a. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QII14, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

Tên, mã số doanh nghiệp, dịa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời diểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

Tên, mã số doanh nghiệp, dịa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

c. Việc kê khai quy định tại khoản 1b Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải dược thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng; Nếu vi phạm quy định về kê khai, thì những hợp đồng được ký kết trong tương lai giữa Công ty với các doanh nghiệp có liên quan nêu trên dược xem là vô hiệu trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác

d. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản a và khoản b Điều này được thực hiện như sau:

- Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
- Cổ dông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
- Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại diểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn dối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất , những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HIội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất , những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trịTổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các

báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng dã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và các cơ quan khác theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những diều khoản và điều kiện thỏa thuận với IIội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Con dấu của công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính.
2. Con dấu là tài sản của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo qui định của pháp luật.
3. IIội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) theo quy định của chính phủ.
4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60: Điều khoản thi hành

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐP-CT ngày 15 tháng 05 năm 2026.
2. Điều lệ này là bản Điều lệ thay thế cho Điều lệ đã được thông qua ngày 25 tháng 03 năm 2026.
3. Điều lệ được lập thành hai (02) bản gốc có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG	
Trần Anh Tuấn	Lương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT TỶ LỆ SỞ HỮU VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP HIỆN NAY

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Chỗ ở hiện tại	Số giấy tờ pháp lý cá nhân	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	LƯƠNG MINH TUẤN	Số 49, ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Số 49, ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	001070002520	16.069.851	15,94 %
2	LƯƠNG TUẤN MINH	Xóm Nội, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Xóm Nội, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	001061007782	2.340.599	2,32 %
3	PHẠM VĂN ĐÍCH	Số 49, đường Trần Hưng Đạo, phường Đề Thám, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Tổ 36, ngõ 850, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	Số 150009317 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 20/5/2004	Đã chuyển nhượng hết	0%

4	TRẦN THỊ HÀ	20C, đường Hoàng Văn Thụ nối dài, phường Iarking, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	20C, đường Hoàng Văn Thụ nối dài, phường Iarking, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Số 230002989 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/6/1990	Đã chuyển nhượng hết	0%
5	NGUYỄN THỊ CHINH	Số 6, tổ 1, Vĩnh Phúc 1, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	Số 594, đường Bưởi, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	Số 010029170 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 29/6/2000	Đã chuyển nhượng hết	0%

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

(Quy chế này được thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương)

Hà Nội, tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4

Điều 2. Giải thích thuật ngữ 4

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 6

I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp 6

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội 7

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội 8

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 9

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu 10

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu 10

Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 20. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 21. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử 12

Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản 14

Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 14

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 15

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 16

Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị. 16

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 20

Điều 29. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 20

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị 20

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị 21

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 21
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 21
Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị. 22
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị 22
Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị 23
Điều 38. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị 23
Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 40. Cách thức biểu quyết 24
Điều 41. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị 25
Điều 42. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị 25
Điều 43. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị 26
Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 26
Điều 45. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 26
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 27
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 27
CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN 27
Điều 48. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán 27
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC 29
Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 29
Điều 50. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc 30
Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc 30
Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc 31
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH 31
Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán 31
Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành 31
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC. 32
Điều 55. Đánh giá hoạt động 32
Điều 56. Khen thưởng 32
Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật 32
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 32
Điều 58. Sửa đổi bổ sung 32
Điều 59. Hiệu lực thi hành 33

CĂN CỨ:

- *Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.*
- *Căn cứ theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020.*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dạt Phương.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới dây được hiểu như sau:

a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng

b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Đạt Phương

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

f. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.

h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc ;

j. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

k. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là "thành viên độc lập") là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

l. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

m. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o. Cổ tức: là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.

p. Giá thị trường:

- Giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

- Giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với phần vốn góp hoặc cổ phần không thuộc trường hợp cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

q. Giấy tờ pháp lý cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

r. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp: là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 12, Điều 13 Điều lệ công ty.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;

II. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông và sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông

là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết IIội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người dại diện theo ủy quyền.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Dại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy dịnh cụ thể tại Thông báo họp Dại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hình thức tham dự họp theo hướng dẫn trong Thông báo họp Dại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Dại biểu.

b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

d. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

a. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.

b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "O" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

a. Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

3. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên HIội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.
3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 21. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 20 Quy chế này.
3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

III. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng

nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định phù hợp theo tình hình thực tế.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định phù hợp theo tình hình thực tế.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 17 Quy chế này Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

   Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Danh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

   Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

   Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

   Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:

- Cổ đông cá nhân, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc
- Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
b. Tổng kết các cuộc họp của HIội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HIội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
f. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc..
g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 26. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.
3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Quy định chung

Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HIội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất
q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.
r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó

s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
b. Thành lập các công ty con của Công ty;
c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền và trách nhiệm sau:

a. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

e. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

h. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

i. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.

j. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

k. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

l. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

m. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

II. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 30 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 29 Quy chế này.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy

chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HIội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HIội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua dề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
- Ứng viên do HIội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên HIội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HIội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HIội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 32. Cách thức bầu thành viên HIội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành

Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

III. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

   Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
3. Các thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch HĐQT ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị thảo luận những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:

a. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

b. Bầu chọn Chủ tịch HĐQT.

c. Bãi nhiệm và bổ nhiệm mới.

d. Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.

e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 40. Cách thức biểu quyết

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 38 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại Khoản 2 Điều nay, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau

khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

Điều 41. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 42. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp HIội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 43. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Các tiểu ban thuộc HIội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HIội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 45. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HIội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán nội bộ ;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 Quy chế này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. HIội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 48. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty.

b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HIội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

h. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết

i. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HIội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

j. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

2. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:

a. Số lượng, cơ cấu thành viên của Ủy ban kiểm toán tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và khoản diều 36 Điều lệ Công ty.

b. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

c. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do HIội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty.

Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

a. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất 02 lần trong một năm và được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

b. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.

c. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

5. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định dầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
b. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.
c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty

Điều 50. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
2. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc:

- Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định

Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu vi phạm một trong các quy định sau:

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;
- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;
- Các hành vi khác gây thiệt hại đến uy tín và lợi ích của Công ty;
- Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban kiểm toán.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ủy ban kiểm toán.
3. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ủy ban kiểm toán thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.

Điều 55. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HIội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 56. Khen thưởng

1. HIằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người diều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Chế độ khen thưởng:

   -Bằng tiền;

   -Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhiên viên (nếu có).
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị và các người diều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tuỳ theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 8 chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐP-CT ngày 15 tháng 05 năm 2026.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0101[illegible]67-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
P. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Lương Minh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3

Điều 2. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị .....

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị 3

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 3

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5

Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 8

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 8

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 10

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị 11

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị 11

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 11

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 11
Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan 12
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành 13
Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán 14
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14
Điều 25. Hiệu lực thi hành 14

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.*

Đại hội đồng cổ đông ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.

Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế quản trị của Công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.
2. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể như sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại không quá năm (05) công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;
b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
f. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
g. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 33 Quy chế quản trị nội bộ công ty, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.
d. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ học vấn;
c. Trình độ chuyên môn;
d. Quá trình công tác;
e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 27 Điều lệ công ty, khoản 2 Điều 27 Quy chế quản trị nội bộ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm u khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

   Trường hợp này, người dại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm u khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
d. Theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán;
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty và Điều 45 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 43 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
b. Báo cáo tài chính kiểm toán;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Ngoài ra việc báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 25 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp, khoản 46 điều 4 Luật chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện

nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 53 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 52 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này này gồm 7 chương 24 điều được được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-DP-CT ngày 15 tháng 05 năm 2026.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Lương Minh Tuấn

TRANSLATION

DATPHUONG
DAT PHUONG GROUP

No.: 49/QĐ-ĐP-CT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, May 15, 2026

DECISION

On the issuance of the amendments and supplements to the Company Charter, the Corporate Governance Regulations, and the Regulations on Operations of the Board of Directors pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No.: 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated April 25, 2026

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS OF DAT PHUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 and its amendments and supplements;

Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 and its amendments and supplements;

Pursuant to the Charter of Dat Phuong Group Joint Stock Company; the Corporate Governance Regulations of Dat Phuong Group Joint Stock Company; the current Regulations on Operations of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company;

Pursuant to Resolution No.: 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated 25/04/2026 of the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint Stock Company,

HEREBY DECIDES:

Article 1. To issue together with this Decision the following documents pursuant to Resolution No.: 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated 25/04/2026 of the General Meeting of Shareholders:

- Charter of Dat Phuong Group Joint Stock Company (28th amendment and supplement).

- Corporate Governance Regulations of Dat Phuong Group Joint Stock Company (amended and supplemented version of May 2026).

- Regulations on Operations of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company (amended and supplemented version of May 2026).

Article 2. The amended and supplemented documents mentioned in Article 1 shall replace the corresponding documents previously issued.

Article 3. Members of the Board of Directors, the Board of Management, the Company's functional departments, shareholders, and relevant divisions shall be responsible for the implementation of this Decision.

This Decision takes effect from the date of signing./.

CHAIRMAN
OF THE BOARD OF DIRECTORS

(signed and sealed)

Luong Minh Tuan

Recipients:
- As stated in Article 3;
- Archived at the Administration Office.

TRANSLATION

REGULATIONS ON CORPORATE GOVERNANCE

OF

DAT PHUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

(These Regulations were adopted pursuant to Resolution No. 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated April 25, 2026 of the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint Stock Company)

Hanoi, May 2026

INDEX

CHAPTER I: GENERAL PROVISIONS 5

Article 1. Scope of Regulation and Applicable Entities 5

Article 2. Explanation of Terms 5

CHAPTER II. GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 7

I. Role, rights and obligations of the General Meeting of Shareholders 7

Article 3. Role, rights and obligations of the General Meeting of Shareholders 7

Article 4. Exercising the right to attend the General Meeting of Shareholders 7

Article 5. Convening the General Meeting of Shareholders 7

Article 6. Preparation of the list of shareholders entitled to attend the meeting. 8

Article 7. Notification regarding the closing of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders. 8

Article 8. Notice of convening the General Meeting of Shareholders 8

Article 9. Agenda and content of the Congress 8

Article 10. Authorization of representatives to attend the General Meeting of Shareholders 8

Article 11. Methods of registration for attendance at the General Meeting of Shareholders 9

Article 12. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders 9

Article 13. Procedures for conducting meetings and voting on issues at the congress. 9

Article 14. Voting methods for election 11

Article 15. Method of vote counting 11

Article 16. Announcement of vote counting results 12

Article 17. Forms of adopting resolutions of the General Meeting of Shareholders 12

Article 18. Conditions for a resolution to be adopted at the General Meeting of Shareholders 12

Article 19. Methods of objecting to Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 12

Article 20. Drafting resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders 13

Article 21. Publication of the Minutes and Resolutions of the General Meeting of Shareholders 14

Article 22. Procedures for holding a General Meeting of Shareholders to adopt resolutions through online conference and electronic voting. 14

Section 4. Order and Procedures for the General Meeting of Shareholders to Adopt Resolutions by Collecting Written Opinions. 16

Article 23. Cases permitted and not permitted for collecting written opinions. 16

Article 24. Order and Procedures for the General Meeting of Shareholders to adopt resolutions by collecting written opinions. 16

Article 25. Reporting of the Board of Directors' activities at the Annual General Meeting of Shareholders 17

Article 26. Reporting on the activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders. 18

CHAPTER III. BOARD OF DIRECTORS 19

Article 27. Role, rights and obligations of the Board of Directors, responsibilities of of Members of the Board of Directors. 19

Article 28. Standards for Members of the Board of Directors 22

Article 29. Nomination, self-nomination, election, dismissal and removal of members of the Board of Directors 23
Article 30. Procedures for introducing candidates for the Board of Directors 23
Article 31. Disclosure of information on candidates participating in the election of Board of Directors members 24
Article 32. Method of electing members of the Board of Directors 24
Article 33. Dismissal, removal and election of additional members of the Board of Directors . 24
Article 34. Notification of election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors 25
Article 35. Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Directors 25
Article 36. Meetings of the Board of Directors 25
Article 37. Notice of Meeting of Board of Directors 26
Article 38. Conditions for holding a meeting of the Board of Directors 26
Article 39. Authorization for Others to Attend Meetings by Members of the Board of Directors 27
Article 40. Voting Methods 27
Article 41. Procedures for adopting resolutions of the Board of Directors 28
Article 42. Minutes of the Board of Directors Meeting 28
Article 43. Notification of Board of Directors Resolutions 29
Article 44. Subcommittees of the Board of Directors 29
Article 45. Selection and Appointment of the Person in Charge of Corporate Governance 29
Article 46. Cases of dismissal of the person in charge of corporate governance. 30
Article 47. Announcement of appointment and dismissal of the person in charge of company administration. 31
CHAPTER IV. AUDIT COMMITTEE 31
Article 48. Establishment and operation of the Audit Committee 31
CHAPTER V. GENERAL DIRECTOR 33
Article 49. Role, responsibilities, rights and obligations of the General Director 33
Article 50. Term of office, standards and conditions of the General Director 34
Article 51. Dismissal and termination of employment contract with the General Director 34
Article 52. Salary and other benefits of the Director 34
CHAPTER VI. COORDINATION OF ACTIVITIES BETWEEN THE BOARD OF DIRECTORS, THE AUDIT COMMITTEE, AND THE EXECUTIVE OFFICERS 35
Article 53. Coordination of activities between the Board of Directors and the Audit Committee 35
Article 54. Coordination of activities between the Board of Directors and the Executive Officers 35
CHAPTER VII. REGULATIONS ON ANNUAL EVALUATION OF PERFORMANCE, REWARDS AND DISCIPLINARY ACTIONS APPLICABLE TO MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS 36
Article 55. Performance evaluation 36
Article 56. Awards 36
Article 57. Handling of violations and disciplinary actions 36

CHAPTER VIII. IMPLEMENTATION PROVISIONS 36
Article 58. Amendments and supplements 36
Article 59. Effectiveness 37

LEGAL BASIS:

- *Pursuant to the Law on Enterprises, the Law on Securities, and guiding legal documents.*
- *Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 guiding a number of articles on corporate governance applicable to public companies.*
- *Pursuant to the Charter of Dat Phuong Group Joint Stock Company.*

CHAPTER I: GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of Regulation and Applicable Entities

1. Scope of regulation: The internal regulations on corporate governance provide for the roles, rights and obligations of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Audit Committee, and the General Director; the order and procedures for convening meetings of the General Meeting of Shareholders; nomination, self-nomination, election, dismissal and removal of members of the Board of Directors, the Audit Committee, the General Director and other activities in accordance with the Company Charter and other prevailing provisions of law.
2. Applicable entities: These Regulations shall apply to members of the Board of Directors, the Audit Committee, the General Director and relevant persons.

Article 2. Explanation of Terms

1. The following terms are understood as follows:

a. Corporate governance is a system of principles, including:

- Ensuring a reasonable and effective governance structure;
- Ensuring the effective operation of the Board of Directors and the Audit Committee; enhancing the responsibility of the Board of Directors toward the Company and shareholders;
- Ensuring shareholders' rights and equal treatment among shareholders;
- Ensuring the role of investors, the securities market and intermediary organizations in supporting corporate governance activities;
- Respecting and ensuring the lawful rights and interests of stakeholders in corporate governance;
- Disclosing information in a timely, complete, accurate and transparent manner regarding the Company's operations; ensuring shareholders' fair access to information.

b. "Company" means Dat Phuong Joint Stock Company.

c. "Law on Securities" means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 promulgated by the National Assembly on November 26, 2019.

d. "Law on Enterprises" means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 promulgated by the National Assembly on June 17, 2020.

e. "Shareholder" means an individual or organization owning at least one share of a joint stock company.

f. "Founding shareholder" means a shareholder owning at least one ordinary share and signing the list of founding shareholders of the joint stock company.

g. "Major shareholder" means a shareholder owning 5% or more of the voting shares of an issuing organization.

h. "Enterprise manager" means managers of the Company, including the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, Deputy General Directors and the Chief Accountant.

i. "Executive officer" means the General Director and Deputy General Directors.

j. "Non-executive member of the Board of Directors" (hereinafter referred to as "non-executive member") means a member of the Board of Directors who is not the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant or other executives as prescribed in the Company Charter.

k. "Independent member of the Board of Directors" (hereinafter referred to as "independent member") means a member prescribed in Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises.

l. "Family-related person" includes: spouse, biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, father of wife, mother of wife, biological child, adopted child, son-in-law, daughter-in-law, biological brother, biological sister, younger biological sibling, brother-in-law, younger brother-in-law, sister-in-law, younger sister-in-law, wife's elder brother, husband's elder brother, wife's elder sister, husband's elder sister, wife's younger sibling, and husband's younger sibling.

m. "Internal person" means a person holding an important position in the governance and management apparatus of the enterprise as prescribed in Clause 45, Article 4 of the Law on Securities.

n. "Related person" means an individual or organization prescribed in Clause 23, Article 4 of the Law on Enterprises and Clause 46, Article 4 of the Law on Securities.

o. Dividend means the after-tax profit distributed to each share in cash or other assets.

p. Market price:

- The average trading price during the 30 consecutive days preceding the valuation date, or the price agreed between the seller and buyer, or the price determined by a valuation organization, applicable to listed shares or shares registered for trading on the securities trading system.

- The market trading price at the immediately preceding time, or the price agreed between the seller and buyer, or the price determined by a valuation organization, applicable to capital contributions or shares not being listed shares or shares registered for trading on the securities trading system.

q. Personal legal documents: These include one of the following types of documents: Identity Card, Citizen Identification Card, Passport, or other legally valid personal identification documents.

r. Beneficiary owners of a business are individuals who actually own the charter capital or have controlling power over that business, except for the direct owner's

representative in a business wholly owned by the State and the representative of the State's capital in a joint-stock company or limited liability company with two or more members, as stipulated by the law on the management and investment of State capital in enterprises.

2. In these Regulations, references to any provision or legal document shall include any amendments, supplements or replacement documents thereto.

CHAPTER II. GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

I. Role, rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

Article 3. Role, rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders, comprising all shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders meets annually once a year and within four (04) months from the end of the financial year. If necessary, the Board of Directors may decide to extend the annual General Meeting of Shareholders, but not more than six months from the end of the financial year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may hold extraordinary meetings. The location of the General Meeting of Shareholders is determined by where the chairperson attends the meeting and must be within the territory of Vietnam.

2. The General Meeting of Shareholders has the rights and obligations as stipulated in the Enterprise Law and Articles 12 and 13 of the company's charter.

Article 4. Exercising the right to attend the General Meeting of Shareholders

Shareholders attend the General Meeting of Shareholders and exercise their voting rights through the following forms:

1. Attend and vote in person at the meeting;
2. Authorize someone else to attend and vote at the meeting;
3. Participate and vote via online meetings, electronic voting, or other electronic means;
4. Submit your ballot to the meeting via mail, fax, or email.
5. Submit your ballot by other means;

II. Procedures for the General Meeting of Shareholders to adopt resolutions by direct voting at the General Meeting of Shareholders.

Article 5. Convening the General Meeting of Shareholders

1. The convening of annual and extraordinary general meetings of shareholders is governed by Article 14 of the Company's Charter.
2. The annual general meeting of shareholders is not to be held in the form of obtaining shareholder opinions in writing.
3. The person convening the General Meeting of Shareholders must perform the tasks as stipulated in Clause 2, Article 18 of the Company's Charter.

Article 6. Preparation of the list of shareholders entitled to attend the meeting.

1. The person convening the General Meeting of Shareholders must prepare a list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders is compiled based on the shareholder registration number and the securities owner register of the company. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders must be compiled no more than ten (10) days before the date of sending the first General Meeting of Shareholders invitation.
2. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders must include the full name, contact address, nationality, and legal document number of individual shareholders; the name, business registration number or legal document number of organizational shareholders, and the head office address of organizational shareholders; the number of shares of each type, and the number and date of shareholder registration for each shareholder (if any).

Article 7. Notification regarding the closing of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors shall hold a meeting and issue a Board of Directors Resolution approving the final registration date for compiling the list of shareholders entitled to attend the General Meeting. The Company must disclose information about compiling the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least twenty (20) days before the final registration date.

Article 8. Notice of convening the General Meeting of Shareholders

The notification of the General Meeting of Shareholders is carried out in accordance with the provisions of the Enterprise Law and Clause 3, Article 18 of the Company's Charter. The documents for the General Meeting of Shareholders must be posted and updated with any amendments or additions (if any) until the conclusion of the General Meeting of Shareholders.

Article 9. Agenda and content of the Congress

1. The person convening the General Meeting of Shareholders must prepare the agenda and content of the meeting.
2. Recommendations by shareholders to include matters in the meeting agenda shall comply with Clauses 4, 5 and 6, Article 18 of the Company Charter.

Article 10. Authorization of representatives to attend the General Meeting of Shareholders

Shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders in accordance with law may authorize individuals or organizations to attend as representatives. The authorization of representatives to attend the General Meeting of Shareholders shall comply with Article 16 of the Company Charter. An organizational shareholder holding at least ten percent (10%) of the total ordinary shares may authorize a maximum of three (03) authorized representatives.

Article 11. Methods of registration for attendance at the General Meeting of Shareholders

1. Methods of registration for attendance at the General Meeting of Shareholders prior to the opening date of the meeting:

a. Shareholders and their authorized representatives may register to attend the meeting via mail, fax, email, or other electronic means. The specific method for registering to attend the General Meeting of Shareholders is stipulated in the Notice of the General Meeting of Shareholders.

b. Shareholders registering to attend the General Meeting of Shareholders shall choose their method of attendance as guided in the Notice of the General Meeting of Shareholders and as stipulated in Article 5 of these Regulations.

2. Instructions on how to register to attend the General Shareholders' Meeting and verify delegate eligibility on the day of the General Shareholders' Meeting:

a. When attending the meeting, shareholders or their authorized representatives must bring the legally valid identification documents specified in the notice of the General Meeting of Shareholders to confirm their delegate status.

b. Before the meeting commences, the Company must conduct shareholder registration procedures and continue registration until all shareholders entitled to attend the meeting have registered.

c. When registering shareholders, the Company issues each shareholder or authorized representative a voting card and/or Voting ballots and/or ballots, which bear the registration number, the full name of the shareholder or authorized representative, and the number of votes/elections cast by that shareholder or authorized representative.

d. Shareholders or their authorized representatives arriving after the meeting has commenced have the right to register immediately and subsequently have the right to participate and vote at the meeting immediately after registration. The chairperson is not obligated to stop the meeting to allow late-arriving shareholders to register, and the validity of any previously voted-on items remains unchanged.

Article 12. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders shall be conducted when satisfying the conditions prescribed in Article 19 of the Company Charter.

Article 13. Procedures for conducting meetings and voting on issues at the congress.

1. General principle:

a. The procedures for conducting meetings and voting at the General Meeting of Shareholders are stipulated in Article 20 of the Company's Charter.

b. All resolutions and matters included in the agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders will discuss and vote on each item on the agenda.

c. Voting cards and/or ballots are printed, stamped, and sent directly to delegates at the general meeting (along with the shareholder meeting attendance documents) by the

Company. These cards clearly state the delegate's registration number, full name, number of shares owned, and authorized voting rights.

d. Voting is conducted by means of affirmative, negative, or abstention votes, either by raising voting cards or filling in the options on Voting ballots and placing the ballots in the ballot box, or by other methods specified in detail in the Regulations on the Organization of the General Meeting of Shareholders for each meeting. The chairperson proposes the voting methods for each item on the agenda of the General Meeting of Shareholders.

e. The General Meeting elects those responsible for counting or supervising the vote count upon the recommendation of the Chairman. The number of members of the vote counting committee is decided by the General Meeting of Shareholders based on the recommendation of the Chairman of the meeting.

2. Provisions on the validity of voting cards and voting ballots

a. A valid voting card is one that conforms to the pre-printed template issued by the Organizing Committee, and is not altered, scratched, torn, or damaged.

b. A valid voting ballot is one that is printed according to the template provided by the Organizing Committee, is not erased, altered, torn, damaged, etc., does not contain any additional content beyond what is stipulated for this ballot, and must be signed, with the full handwritten name of the participating delegate below the signature.

On the Voting ballot, the voting content is valid when the delegate marks one (01) of the three (03) voting squares.

c. Invalid ballot:

Add other information to the Voting ballot;

Voting ballots that are not in the format provided by the Organizing Committee, ballots without the company's red seal, or have been altered, erased, or have had additional content added beyond what is permitted on the ballot, will all voting content on the ballot be considered invalid.

3. Voting methods

a. Voting by raising the Voting Card: When voting by raising the Voting Card, the front of the Voting Card must be raised towards the Chairperson. If a delegate does not raise the Voting Card in all three times of voting in Approve, Disapprove, or Abstain on an issue, it will be considered as a vote in favor of that issue. If a delegate raises the Voting Card more than once (01) when voting in Approve, Disapprove, or Abstain on an issue, it will be considered an invalid vote.

b. Voting by ballot: When voting by ballot, for each item, delegates attending the meeting choose one of three options - "Agree," "Disagree," or "No opinion" - printed on the ballot by marking "X" or "O" in their chosen box. After completing all items to be voted on at the Congress, delegates cast their ballots into the sealed ballot box at the Congress according to the instructions of the Ballot Counting Committee. The ballot must be signed and clearly state the full name of the delegate.

Article 14. Voting methods for election

1. General principles

a. Comply strictly with the law and the company's charter;

b. Members of the vote counting committee are not allowed to be on the list of nominees or candidates for the Board of Directors.

2. Forms of voting in elections

Election by cumulative voting method

- Accordingly, each delegate has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned or represented multiplied by the number of elected members of the Board of Directors;
- Attendees have the right to cast all or part of their total votes for one or more candidates;

3. Principles of election:

The elected members of the Board of Directors or Supervisory Board are determined by the number of votes received, from highest to lowest, starting with the candidate with the highest number of votes until the number of members stipulated in the company's charter is reached.

In the event that two (02) or more candidates receive the same number of votes for the last member of the Board of Directors, a re-election will be held among the candidates with the same number of votes or selection will be made according to the criteria stipulated in the election regulations or the company's charter.

If the results of the first round of elections do not yield the required number of members for the Board of Directors or Supervisory Board, elections will be held until the required number of members are elected.

Article 15. Method of vote counting

1. According to the voting method using the raising of voting cards, the vote counting committee marks the delegate code and the corresponding number of votes for each shareholder as Approved, Disapproved, Absent, and Invalid.
2. When conducting voting/elections by ballot, shareholders or their authorized representatives place their ballots into a sealed ballot box for the counting committee to count. The counting committee is responsible for verifying the number of ballots received against the number issued and checking the validity of the received ballots. For each voting item, the number of "Approved," "Disapproved," "No opinion," and invalid votes for each item will be compiled separately and clearly recorded in the vote counting report.
3. If necessary and at the request of shareholders, the Company may appoint an independent organization to collect and count the votes.

Article 16. Announcement of vote counting results

The vote counting committee will check, compile, and report the results of the vote count for each issue to the Chairperson. The results of the vote count will be announced by the Chairperson immediately before the closing of the meeting.

Article 17. Forms of adopting resolutions of the General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders adopts decisions within its authority by voting at the meeting or by obtaining opinions in writing.

Resolutions of the General Meeting of Shareholders on the following matters must be adopted by voting at the General Meeting of Shareholders:

- Amendments and supplements to the contents of the Company Charter;
- Development orientation of the Company;
- Classes of shares and total number of shares of each class;
- Election, dismissal and removal of members of the Board of Directors;
- Decisions on investment or sale of assets with a value equal to or exceeding 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company, or another lower ratio or value as prescribed in the Company Charter;
- Approval of annual financial statements;
- Reorganization or dissolution of the Company.

Article 18. Conditions for a resolution to be adopted at the General Meeting of Shareholders

The conditions for a resolution to be passed at the General Meeting of Shareholders are stipulated in Article 21 of the Company's Charter.

Article 19. Methods of objecting to Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the date of receiving the resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, or minutes of the vote count results of the General Meeting of Shareholders, shareholders or groups of shareholders owning 5% or more of the total number of common shares have the right to request the Court or Arbitration to review and annul the resolution or part of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The procedures for convening and making decisions of the General Meeting of Shareholders were not carried out in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the company's charter, except in cases where resolutions of the General Meeting of Shareholders are passed by 100% of the total number of voting shares, which are legal and effective even if the procedures for passing those resolutions were not carried out as prescribed.
2. The resolution's content violates the law or the Company's Articles of Association. In the event that a decision of the General Meeting of Shareholders is annulled by a court or arbitration decision, the person who convened the annulled General Meeting of

Shareholders may consider reconvening the meeting within 90 days in accordance with the procedures stipulated in the Enterprise Law and the Company's Articles of Association.

Article 20. Drafting resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders

1. General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese, and may also be prepared in English, and must include the following main contents:

a. Name, registered office address, business registration number;

b. Time and location of the Shareholders' General Meeting;

c. Meeting agenda and content;

d. Full name of the chairperson and secretary;

e. Summarize the proceedings and statements made at the General Shareholders' Meeting on each item on the agenda;

f. The number of shareholders and the total number of voting shares of shareholders attending the meeting, the appendix listing registered shareholders, and the shareholder representatives attending the meeting with their corresponding shareholdings and voting rights;

g. The total number of votes cast for each voting issue, specifying the voting method, the total number of valid, invalid, affirmative, and abstention votes; and the corresponding percentage of the total votes cast by shareholders present at the meeting.

h. The issues were approved and the corresponding percentage of votes were cast in favor;

i. The full name and signature of the chairperson and secretary. If the chairperson or secretary refuses to sign the meeting minutes, these minutes shall be valid only if signed by all other members of the Board of Directors present at the meeting and containing all the information as stipulated in this clause. The meeting minutes shall clearly state the chairperson's or secretary's refusal to sign.

2. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders must be prepared and approved before the meeting concludes. The chairperson and secretary of the meeting, or any other person signing the minutes, shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes' contents.

Resolutions and minutes drawn up in both Vietnamese and foreign languages have equal legal validity. In case of discrepancies between the content of the Vietnamese and foreign language minutes, the content in the Vietnamese version shall prevail.

Article 21. Publication of the Minutes and Resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders must be fully published on the Company's website, the electronic portal of the State Securities Commission and the Stock Exchange within twenty-four (24) hours from the time they are approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of the Enterprise Law.
2. Resolutions, minutes of the General Meeting of Shareholders, along with other attached appendices (if any) that have been publicly published on the Company's website, the electronic portal of the State Securities Commission and the Stock Exchange are considered authentic evidence of the work carried out at the General Meeting of Shareholders unless objections to the content of the minutes are raised in accordance with the prescribed procedures within ten (10) days from the date of sending the minutes in accordance with the prescribed procedures in Article 20 of this Regulation.
3. Resolutions, minutes of the General Meeting of Shareholders, appendices listing registered shareholders, and related documents attached to the meeting invitation notice must be kept at the company's head office.

III. Procedures for holding a General Meeting of Shareholders to adopt resolutions through online conference and electronic voting.

Article 22. Procedures for holding a General Meeting of Shareholders to adopt resolutions through online conference and electronic voting.

1. Convene the General Meeting of Shareholders

   The convening of the General Meeting of Shareholders via online conference shall be carried out in accordance with the provisions of Article 5 of these Regulations.
2. Prepare a list of shareholders entitled to attend the meeting and issue a notice convening the General Meeting of Shareholders.

a. The preparation of the list of shareholders entitled to attend the online General Meeting of Shareholders and the notice of closing the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be implemented similarly to the provisions of Articles 6 and 7 of these Regulations.

b. The notice of invitation to the online General Meeting of Shareholders shall comply with Article 8 of these Regulations.

3. Methods of Registration for Attendance at the General Meeting of Shareholders

   Shareholders or authorized representatives (if any) attending the meeting via online conference, electronic voting, or accessing the online General Meeting of Shareholders system to register for attendance will be assigned to each shareholder a (01) login name and corresponding password to access the above-mentioned system. Specific instructions will be recorded in the notice of the General Meeting of Shareholders and the Regulations on the organization of the General Meeting of

Shareholders or in the form of login information notification as prescribed by the Board of Directors in accordance with the actual situation.

4. Authorization of a representative to attend the General Meeting of Shareholders.

Authorization for representatives to attend the General Meeting of Shareholders online and vote electronically shall be carried out in accordance with Article 16 of the Company's Charter and the methods stipulated in the notice of the General Meeting of Shareholders, or in the form of login information notification as prescribed by the Board of Directors in accordance with the actual situation .

5. Conditions for holding a General Meeting of Shareholders

The online General Shareholders' Meeting is conducted in compliance with the provisions of Article 19 of the Company's Charter.

6. The process of voting, counting votes, and announcing vote results.

a. The voting procedures at online General Shareholders' Meetings, including electronic voting, will be specified in detail in the Regulations on the Organization of General Shareholders' Meetings for each meeting.

b. Shareholders attending through online conference and electronic voting shall access the online General Meeting of Shareholders system prescribed in Clause 3 of this Article to conduct voting/election. When shareholders conduct electronic voting, the numbers of "Approve", "Disapprove" and "No opinion" votes for each voting matter and the number of votes for each candidate shall be recorded on the online General Meeting of Shareholders system.

c. The Vote-counting Committee shall examine, summarize and report to the chairperson the vote-counting results for each matter. The vote-counting results shall be announced by the chairperson immediately before the closing of the meeting.

7. Forms and conditions for adopting resolutions of the General Meeting of Shareholders

a. The procedure for adopting resolutions at the General Meeting of Shareholders shall be similar to that stipulated in Article 17 of these Regulations.

b. The conditions for a resolution to be passed at the General Meeting of Shareholders are stipulated in Article 21 of the Company's Charter.

8. Preparation of resolutions and minutes for the online General Shareholders' Meeting.

The preparation of resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders is carried out in accordance with Article 23 of the Company's Charter.

9. Methods of protesting resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders.

The method for objecting to resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders adopted at an online meeting or through electronic voting shall be in accordance with the provisions of Article 19 of these Regulations.

10. Disclosure of the Minutes and Resolutions of the General Shareholders' Meeting

The disclosure of resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders shall be carried out in accordance with the provisions of Article 21 of these Regulations.

Section 4. Order and Procedures for the General Meeting of Shareholders to Adopt Resolutions by Collecting Written Opinions.

Article 23. Cases permitted and not permitted for collecting written opinions.

Except for matters and issues that must be approved by the General Meeting of Shareholders through voting at the General Meeting of Shareholders as stipulated in Article 17 of these Regulations, the Board of Directors has the right to solicit shareholder opinions in writing to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders when deemed necessary for the benefit of the company.

Article 24. Order and Procedures for the General Meeting of Shareholders to adopt resolutions by collecting written opinions.

1. Notice of Closing the List of Shareholders for Collecting Written Opinions.

   The Board of Directors shall convene a meeting and issue a Resolution of the Board of Directors approving the record date for preparing the list of shareholders with voting rights. The Company shall disclose information on the preparation of the list of shareholders with voting rights for adoption of resolutions of the General Meeting of Shareholders by collecting shareholders' written opinions at least twenty (20) days prior to the record date. The preparation of the list of shareholders to whom opinion collection ballots are sent shall comply with Clauses 1 and 2, Article 141 of the Law on Enterprises. The list of shareholders entitled to vote for adoption of resolutions of the General Meeting of Shareholders by collecting shareholders' written opinions shall be prepared based on the shareholder register of the Company. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than ten (10) days prior to the date of sending documents and opinion collection ballots to shareholders. The list of shareholders with voting rights must contain the full name, contact address, nationality, legal personal identification number for individual shareholders; name, enterprise code or legal document number of the organization, head office address for organizational shareholders; number of shares of each class, and the shareholder registration number and date of each shareholder (if any).

2. Preparation of documents and delivery of documents and opinion collection ballots to shareholders

   The Board of Directors must prepare the opinion collection ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders and explanatory documents for the draft resolutions. The Board of Directors must ensure that documents are sent and disclosed to shareholders within a reasonable period for consideration and voting and must send such documents at least ten (10) days prior to the deadline for receipt of opinion collection ballots. Requirements and methods for sending opinion collection ballots and enclosed documents shall be implemented similarly to the provisions on sending notices of invitation to meetings under Article 18 of the Company Charter.

Opinion collection ballots must contain the contents prescribed in Clause 3, Article 22 of the Company Charter.

3. Receipt of returned opinion collection ballots from shareholders.

Returned opinion collection ballots must bear the signatures of:

- Individual shareholders, or
- The legal representative of organizational shareholders, or
- An individual authorized by a shareholder, or
- The legal representative of the organization is authorized by the shareholders.

Opinion collection ballots may be submitted to the Company in the forms stipulated in Clause 4, Article 22 of the Company's Charter.

4. Count the votes and prepare the vote counting report.

The Board of Directors shall count the votes and prepare a vote counting report in the presence of the Audit Committee or a shareholder who is not a business manager. The vote counting report must contain the contents stipulated in Clause 5, Article 22 of the Company's Charter.

Board members, vote counters, and vote supervisors shall be jointly liable for the integrity and accuracy of the vote count record; and jointly liable for any damages arising from decisions made due to dishonest or inaccurate vote counting.

5. Conditions for the adoption of a resolution by the General Meeting of Shareholders in the form of written consultation

Resolutions adopted through written shareholder consultation must be approved by shareholders representing more than 50% of the total voting shares and shall have the same validity as resolutions adopted at a General Meeting of Shareholders.

6. Disclosure of the vote count minutes and resolutions of the General Shareholders' Meeting.

The vote count minutes and resolution must be posted on the company's website within twenty-four (24) hours from the time the vote count ends.

7. Retention of documents.

Returned opinion collection ballots, vote-counting minutes, adopted resolutions and related documents enclosed with the opinion collection ballots must be retained at the Company's head office.

Article 25. Reporting of the Board of Directors' activities at the Annual General Meeting of Shareholders

The Board of Directors' activity report submitted to the Annual General Meeting of Shareholders must comply with the provisions of Article 280 of Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law and Decree No. 245/2025/ND-CP amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/ND-CP , the company's charter, and must ensure that it includes the following contents:

a. The remuneration, operating expenses, and other benefits of the Board of Directors and each member of the Board of Directors are regulated by Clause 3, Article 163 of the Enterprise Law and the company's charter.
b. Summarize the meetings of the Board of Directors and the decisions made by the Board of Directors.
c. Report on transactions between the company, its subsidiary, or a company in which the public company holds fifty percent (50%) or more of the charter capital and a member of the Board of Directors and related persons of that member; transactions between the company and a company in which a member of the Board of Directors is a founding member or a business manager in the three (03) years immediately preceding the transaction.
d. The performance of independent members of the Board of Directors and the results of independent members' evaluations of the Board of Directors' performance.
e. Activities of other subcommittees of the Board of Directors (if any).
f. Results of the monitoring of the General Director...
g. The results of monitoring other executives.
h. Future plans.

Article 26. Reporting on the activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders.

The report on the activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders must include the following contents:

1. The remuneration, operating expenses, and other benefits of the Audit Committee and each member of the Audit Committee are regulated by the Enterprise Law and the company's charter.
2. Summary of the Audit Committee meetings and the conclusions and recommendations of the Audit Committee.
3. The results of monitoring the company's financial statements, operational performance, and financial situation.
4. Report on the assessment of transactions between a company, subsidiary, or company in which a public company holds control of more than fifty percent (50%) of the charter capital with a member of the Board of Directors, General Director and related persons of that member; transactions between a company and a company in which a member of the Board of Directors is a founding member or a business manager in the three (03) years immediately preceding the transaction.
5. Results of the assessment of the company's internal control and risk management systems.
6. The results of monitoring the Board of Directors, the CEO, and other business executives.
7. The results of the assessment of the coordination of activities between the Audit Committee and the Board of Directors, the General Director, and the shareholders.
8. Other content (if any).

CHAPTER III. BOARD OF DIRECTORS

I. General Provisions

Article 27. Role, rights and obligations of the Board of Directors, responsibilities of of Members of the Board of Directors.

1. The Board of Directors is the governing body of the company, having full authority to act on behalf of the company to decide and exercise the rights and obligations of the company, except for those rights and obligations that fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. The rights and obligations of the Board of Directors are stipulated by law, the company's charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following rights and obligations:

a. Making strategic decisions, developing medium-term growth plans, and formulating annual business plans for the company;

b. Propose the types of shares and the total number of shares authorized for sale for each type;

c. Decisions to sell unsold shares within the permitted number of shares for each class; decisions to raise additional capital through other means;

d. Deciding on the selling price of the company's shares and bonds;

e. The decision to repurchase shares is governed by Clauses 1 and 2 of Article 133 of the Enterprise Law;

f. Decisions on investment options and investment projects are made within the authority and limits prescribed by law;

g. Deciding on solutions for market development, marketing, and technology;

h. To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending and other contracts and transactions with a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total asset value or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being equal to or exceeding 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements, except for contracts and transactions falling under the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point d, Clause 2, Article 138 and Clause 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

i. To elect, dismiss and remove the Chairman of the Board of Directors; appoint, dismiss, enter into contracts with and terminate contracts with the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, heads of professional departments of the Company and directors of affiliated divisions; appoint authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders in other companies, and decide remuneration and other benefits of such persons;

j. To supervise and direct the General Director and other managers in the daily operation of the company's business;

k. Deciding on the organizational structure and internal management regulations of the company, deciding on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices, and the contribution of capital or purchase of shares in other businesses;

l. l. To approve agendas and contents of documents serving meetings of the General Meeting of Shareholders; to convene meetings of the General Meeting of Shareholders or collect opinions for the General Meeting of Shareholders to adopt resolutions;

m. To submit audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

n. To recommend dividend levels; to decide the time limit and procedures for dividend payment or handling of losses arising during business operations; the Board of Directors shall be responsible for making dividend payments to shareholders in accordance with law after approval by the annual General Meeting of Shareholders;

o. To recommend the reorganization or dissolution of the Company; to request bankruptcy of the Company;

p. To decide the offering of private bonds, including bond type, total bond value and offering time, except for the case prescribed in Point a, Clause 1, Article 130 of the Law on Enterprises, but must report to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting;

q. To decide the promulgation of the Operating Regulations of the Board of Directors and the Internal Regulations on Corporate Governance after approval by the General Meeting of Shareholders; to decide the promulgation of the Operating Regulations of the Audit Committee under the Board of Directors and the Regulations on Information Disclosure of the Company;

r. To resolve complaints of the Company against enterprise executives as well as decide the selection of representatives of the Company to resolve matters related to legal proceedings concerning such executives;

s. To propose the issuance of convertible bonds and bonds with warrants;

t. To decide the offering prices of shares and bonds in cases authorized by the General Meeting of Shareholders;

u. To report to the General Meeting of Shareholders on the appointment of the General Director by the Board of Directors;

v. To determine operational objectives on the basis of strategic objectives approved by the General Meeting of Shareholders;

w. Other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises, relevant laws, this Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance.

3. The following matters require approval from the Board of Directors:

a. Establish branches or representative offices of the Company;

b. Establish subsidiaries of the Company;

c. Within the scope stipulated in Clause 2, Article 153 of the Enterprise Law, and except for cases stipulated in Clause 2, Article 138 and Clause 3, Article 167 of the Enterprise Law which require approval by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors shall decide on the implementation, amendment, and cancellation of the Company's contracts;

d. Appointing and dismissing persons authorized by the Company to act as the Company's commercial representatives and legal counsel;
e. The Company's borrowing and its fulfillment of mortgages, guarantees, collateral, and claims;
f. The purchase or sale of shares or capital contributions in other companies established in Vietnam or abroad;
g. Valuation of non-cash assets contributed to the Company during the issuance of shares or bonds of the Company, including gold, land use rights, intellectual property rights, technology and technological know-how;
h. h. Repurchase or recovery of not more than ten percent (10%) of the total offered shares of each class within twelve (12) months;
i. i. Decision on repurchase or recovery prices of shares of the Company;
j. j. Business matters or transactions which the Board of Directors deems necessary to be approved within its authority and responsibilities.

4. Rights and responsibilities of Board of Directors members:

Members of the Board of Directors have all the rights and responsibilities as stipulated in the Enterprise Law, the Company's charter, and the following rights and responsibilities:

a. To be provided with information and documents on the financial status and business operations of the Company and its units in accordance with Article 159 of the Law on Enterprises;
b. To perform their duties honestly and prudently for the best interests of shareholders and the Company;
c. To fully attend meetings of the Board of Directors and provide opinions on matters discussed;
d. To promptly and fully report to the Board of Directors on remuneration received from subsidiaries, affiliated companies and other organizations;
e. To report to the Board of Directors on transactions between the Company, subsidiaries and companies in which the Company holds more than fifty percent (50%) of the charter capital with members of the Board of Directors and related persons of such members; transactions between the Company and companies in which members of the Board of Directors are founding members or enterprise managers within the latest three (03) years prior to the transaction date; transactions between the Company and companies in which related persons of the aforesaid members are members of the Board of Directors, the General Director or major shareholders;
f. To disclose information when conducting transactions in shares of the Company in accordance with law;
g. Independent members of the Board of Directors must prepare reports assessing the activities of the Board of Directors;
h. Members of the Board of Directors and their related persons must not use information obtained by virtue of their positions for personal gain or for the interests of other organizations or individuals;

i. Members of the Board of Directors shall have the responsibility to act honestly and avoid conflicts of interest of enterprise managers as prescribed in Article 43 of the Company Charter;

j. To study financial statements prepared by independent auditors and provide opinions or request explanations from Company executives, independent auditors and internal auditors regarding issues related to such statements;

k. To attend meetings of the Board of Directors, discuss and vote on all matters falling within the duties and authority of the Board of Directors in accordance with the Company Charter, except where voting is not permitted due to conflicts of interest. To bear personal responsibility before the law, the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors for their decisions;

l. To implement resolutions of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the Board of Directors;

m. To explain before the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors the performance of assigned duties upon request.

5. Rights and obligations of the Chairman of the Board of Directors

The Chairman of the Board of Directors has the following rights and obligations:

a. To formulate programs and operation plans of the Board of Directors;

b. To prepare agendas, contents and documents serving meetings; to convene, preside over and chair meetings of the Board of Directors;

c. To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d. To supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

e. To chair meetings of the General Meeting of Shareholders;

f. To ensure that the Board of Directors submits annual financial statements, reports on Company operations, audit reports and reports of the Board of Directors to shareholders at meetings of the General Meeting of Shareholders;

g. The Chairman of the Board of Directors shall sign resolutions, decisions and documents or approve documents falling under the authority of the Board of Directors; authorization for other members of the Board of Directors to sign on behalf must be made in writing.

Article 28. Standards for Members of the Board of Directors

Members of the Board of Directors must meet the following standards and conditions:

a. Not falling under the cases prescribed in Clause 2, Article 17 of the Law on Enterprises;

b. Having professional qualifications and experience in business administration or in the business sectors and lines of the Company and not necessarily being shareholders of the Company;

c. Members of the Board of Directors of the Company may concurrently serve as members of the Board of Directors or Members' Councils of up to 05 other companies;

d. Other standards and conditions prescribed by the Company Charter.

II. Regulations on the nomination, self-nomination, election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors

Article 29. Nomination, self-nomination, election, dismissal and removal of members of the Board of Directors

1. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors shall comply with Article 25 of the Company Charter. Shareholders or groups of shareholders holding ten percent (10%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors. Nomination of persons to the Board of Directors shall be conducted as follows:

- Ordinary shareholders forming groups to nominate persons to the Board of Directors must notify attending shareholders of the group meeting before the opening of the General Meeting of Shareholders;
- Based on the number of members of the Board of Directors, shareholders or groups of shareholders prescribed in this Clause shall have the right to nominate one or more persons as candidates to the Board of Directors according to the decision of the General Meeting of Shareholders. Shareholders holding voting shares shall have the right to combine their voting rights to nominate candidates to the Board of Directors.

2. Where the number of candidates to the Board of Directors through nomination and self-nomination under Clause 1 of this Article remains insufficient, the incumbent Board of Directors may nominate additional candidates or organize nominations according to the mechanism prescribed by the Company in Clause 4, Article 30 of these Regulations. Procedures for the incumbent Board of Directors to introduce candidates to the Board of Directors shall comply with Article 30 of these Regulations and must be clearly disclosed before conducting nominations in accordance with law.

Article 30. Procedures for introducing candidates for the Board of Directors.

1. The Board of Directors or other entities prescribed in Clause 2, Article 36 of these Regulations shall convene a meeting of the Board of Directors regarding the election of members of the Board of Directors to disseminate contents relating to the election, including the number of members, standards of candidates participating in the election, and methods of nomination and self-nomination in accordance with Article 29 of these Regulations.
2. The Company shall issue a public notice regarding the election of members of the Board of Directors and the order and procedures for convening and conducting the election in accordance with Chapter III of these Regulations, clearly stating the reasons for the election, number of members, standards and conditions, election methods, procedures for self-nomination and nomination, and other information (if any).
3. The Board of Directors shall compile the list of candidates through nomination and self-nomination and verify information of each candidate to ensure that candidates fully satisfy the standards and conditions for becoming members of the Board of

Directors in accordance with Article 28 of these Regulations and other criteria stated in the notice prescribed in Clause 2 of this Article.

4. Where the number of candidates to the Board of Directors through nomination and self-nomination remains insufficient, the Board of Directors shall prepare a list of introduced candidates according to the following criteria:

- The number of introduced candidates shall be the number still lacking after compiling the list of valid candidates through nomination and self-nomination under Clause 3 of this Article;
- Candidates introduced by the Board of Directors must be approved by majority vote of incumbent members of the Board of Directors;
- Candidates introduced by the Board of Directors must satisfy at least the conditions and standards prescribed in Article 28 of these Regulations.

Article 31. Disclosure of information on candidates participating in the election of Board of Directors members

Where candidates for membership of the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information relating to such candidates at least 10 days before the opening date of the General Meeting of Shareholders on the Company's website so that shareholders may study such candidates before voting. Candidates for membership of the Board of Directors must provide written commitments on the truthfulness and accuracy of disclosed personal information and commit to performing duties honestly, prudently and for the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. Information relating to candidates for membership of the Board of Directors to be disclosed includes:

a. Full name, date of birth (day, month, year);
b. Professional qualifications;
c. Work experience;
d. Other managerial positions (including board positions in other companies);
e. The benefits relate to the Company and its related parties;
f. Other information (if any) as stipulated in the company's charter;
g. Public companies are required to disclose information about the companies in which candidates hold positions on the Board of Directors, other management positions, and any related interests in the companies of the candidates for the Board of Directors (if any).

Article 32. Method of electing members of the Board of Directors

The election of members of the Board of Directors must comply with Article 14 of these Regulations.

Article 33. Dismissal, removal and election of additional members of the Board of Directors

1. The General Meeting of Shareholders may dismiss a member of the Board of Directors in the following cases:

a. Failing to satisfy standards and conditions prescribed in Article 155 of the Law on Enterprises;
b. Submitting resignation letters and obtaining approval;
c. Other cases prescribed in the Company Charter.

2. The General Meeting of Shareholders may dismiss a member of the Board of Directors in the following cases:

a. Not participating in Board of Directors activities for 06 consecutive months, except in cases of force majeure;
b. Other cases are stipulated in the Company's Charter.

3. When deemed necessary, the General Meeting of Shareholders may decide to replace members of the Board of Directors; dismiss or remove members of the Board of Directors except in the cases stipulated in Clauses 1 and 2 of this Article.

4. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders to elect additional members to the Board of Directors in the following cases:

a. The number of members of the Board of Directors decreases by more than one-third compared to the number prescribed in the Company Charter. In such case, the Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within 60 days from the date the number of members decreases by more than one-third;
b. Except for the case prescribed in Point a of this Clause, the General Meeting of Shareholders shall elect new members to replace members of the Board of Directors who have been dismissed or removed at the nearest meeting.

Article 34. Notification of election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors

The election, appointment, dismissal, and removal of members of the Board of Directors must be publicly disclosed in accordance with the regulations of the law on securities and the securities market. After the decision to elect, dismiss, or remove members of the Board of Directors is made, the Company is responsible for disclosing the information internally and to relevant authorities, through the information disclosure channels of the State Securities Commission and the Stock Exchange, and on the Company's website, in accordance with the procedures and regulations of current law.

Article 35. Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Directors.

Members of the Board of Directors are entitled to salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as stipulated in Article 28 of the Company's Charter.

III. Regulations on Meetings of the Board of Directors

Article 36. Meetings of the Board of Directors

1. The Board of Directors must hold regular meetings at least once every quarter and may hold extraordinary meetings.
2. The Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

a. Upon request of an independent member of the Board of Directors;

b. Upon request of the Director or at least five (05) other executives;

c. Upon request of at least two (02) members of the Board of Directors.

3. The proposals stipulated in Clause 2 of this Article must be in writing, clearly stating the purpose, the issues to be discussed, and the decisions falling within the authority of the Board of Directors.

4. The Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the date of receiving the proposal mentioned in Clause 2 of this Article. If the meeting is not convened as requested, the Chairman of the Board of Directors shall be responsible for any damages incurred by the Company; the person making the request has the right to replace the Chairman of the Board of Directors in convening the meeting of the Board of Directors.

5. Upon request of the independent audit firm auditing the Company's financial statements, the Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors to discuss the audit report and the Company's situation.

Article 37. Notice of Meeting of Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the meeting of the Board of Directors must send the notice of meeting to members of the Board of Directors and Supervisors at least three (03) working days prior to the meeting date. The notice of meeting of the Board of Directors must be made in Vietnamese and must fully specify the time, venue, agenda, matters for discussion, together with necessary documents relating to matters to be discussed and voted on at the meeting, and voting ballots of members.

2. The notice of invitation to the meeting of the Board of Directors may be sent by invitation letter, telephone, fax, electronic means or other methods as prescribed in the Charter of the Company, ensuring delivery to the registered contact address of each member of the Board of Directors at the Company.

   The Chairman of the Board of Directors or the convening person shall send the notice of invitation and attached documents to members of the Supervisory Board in the same manner as for members of the Board of Directors.

Article 38. Conditions for holding a meeting of the Board of Directors

1. Meetings of the Board of Directors shall be conducted when attended directly or through representatives (authorized persons), if approved by the majority of members of the Board of Directors, by at least three-fourths (3/4) of the total number of members of the Board of Directors.

2. In case the required quorum is not met, the second meeting must be convened within seven (07) days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be conducted if attended by more than one-half (1/2) of the members of the Board of Directors.

3. Members of the Board of Directors shall be deemed to attend and vote at the meeting in the following cases:

a. Attending and voting directly at the meeting;

b. Authorizing another person to attend the meeting when approved by the majority of members of the Board of Directors.

c. Attending and voting through online conferences or other similar forms;

d. Sending voting ballots to the meeting by post, fax or email.

In case voting ballots are sent by post, the ballots must be enclosed in sealed envelopes and delivered to the Chairman of the Board of Directors at least one (01) hour before the opening time, and the envelopes containing the ballots shall be opened in the presence of all attendees.

4. Meetings of the Board of Directors discussing the following matters require the direct attendance of members of the Board of Directors:

a. Approve the Company's strategic plan and business plan.

b. Election of the Chairman of the Board of Directors.

c. Dismissal and new appointment.

d. Reorganize or dissolve the company.

e. Increase charter capital and issue shares.

Article 39. Authorization for Others to Attend Meetings by Members of the Board of Directors.

Members must attend all meetings of the Board of Directors in full. Members may authorize others to attend and vote if approved by the majority of members of the Board of Directors.

Article 40. Voting Methods

1. Except for the case specified in Clause 2 of this Article, each member of the Board of Directors or authorized person specified in Article 38 of this Regulation attending the meeting in person shall have one (01) vote.
2. Members of the Board of Directors shall not vote on contracts, transactions or proposals in which such member or related persons of such member have interests that conflict or may conflict with the interests of the Company. Such member shall not be counted toward the minimum quorum required for conducting the meeting of the Board of Directors regarding decisions on matters for which such member has no voting right.
3. Pursuant to Clause 2 of this Article, where issues arise at the meeting relating to interests or voting rights of a member of the Board of Directors and such member does not voluntarily waive his/her voting right, the decision of the chairperson shall be final, except where the nature or extent of the interests of the relevant member has not been fully disclosed.

A member of the Board of Directors who directly or indirectly benefits from a contract or transaction signed or expected to be signed with the Company and knows that he/she has interests therein must disclose such interests at the first meeting of the Board discussing the execution of such contract or transaction. In case the member does not know that he/she and related persons have interests at the time the contract or transaction is signed with the Company, such member must disclose related interests at the first meeting of the Board of Directors held after such member becomes aware that he/she has or will have interests in the aforesaid transaction or contract.

Article 41. Procedures for adopting resolutions of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall adopt decisions and issue resolutions based on the approval of the majority of attending members of the Board of Directors. In case the numbers of approving and dissenting votes are equal, the vote of the Chairman of the Board of Directors shall be the deciding vote.
2. Written resolutions adopted by collection of written opinions shall be passed based on approval by the majority of members of the Board of Directors having voting rights. Such resolutions shall have the same validity and effect as resolutions adopted at meetings.

Article 42. Minutes of the Board of Directors Meeting

1. Meetings of the Board of Directors must be recorded in minutes and may be audio-recorded, electronically recorded and stored in other electronic forms. The minutes must contain the following principal contents:

a. Name, address of head office, and enterprise registration number;

b. Purpose, agenda and contents of the meeting;

c. Time and venue of the meeting;

d. Full names of each attending member or authorized representative and methods of attendance; names of absent members and reasons for absence;

e. Matters discussed and voted on at the meeting;

f. Summary of opinions expressed by each attending member according to the sequence of the meeting proceedings;

g. Voting results, clearly stating approving, dissenting and abstaining members;

h. Matters adopted;

i. Full names and signatures of the chairperson and minute recorder, except for the case specified in Clause 2 of this Article.

2. In case the chairperson and minute recorder refuse to sign the minutes, but all other attending members of the Board of Directors sign the minutes and the minutes contain all contents specified in Points a, b, c, d, e, f, g and h Clause 1 of this Article, such minutes shall remain valid. The minutes must clearly state the refusal of the chairperson and minute recorder to sign. Persons signing the minutes shall bear joint responsibility for the accuracy and truthfulness of the contents of the minutes of

meetings of the Board of Directors. The chairperson and minute recorder shall bear personal responsibility for damages caused to the enterprise due to refusal to sign the minutes in accordance with this Law, the Charter of the Company and relevant laws.

3. The chairperson and minute recorder shall be responsible for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes of meetings of the Board of Directors.

4. Minutes of meetings of the Board of Directors and documents used at meetings must be retained at the Company's head office.

5. Minutes made in Vietnamese and foreign languages shall have equal legal validity. In case of discrepancies between the Vietnamese and foreign language versions, the Vietnamese version shall prevail.

The Chairman of the Board of Directors is responsible for sending the minutes of meetings of the Board of Directors to members, and such minutes shall constitute authentic evidence of the work conducted at the meeting unless objections to the contents of the minutes are raised within ten (10) days from the date of dispatch. The minutes must bear the signatures of the chairperson and minute recorder.

Article 43. Notification of Board of Directors Resolutions

Resolutions of the Board of Directors shall be notified and disclosed in accordance with the Charter of the Company and the laws on securities and the securities market.

Article 44. Subcommittees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subordinate sub-committees responsible for development policy, personnel, remuneration and internal audit. The number of members of each sub-committee shall be decided by the Board of Directors but should consist of at least three (03) persons, including members of the Board of Directors and external members. Non-executive members of the Board of Directors should account for the majority in the sub-committee, and one of such members shall be appointed as Head of the sub-committee by decision of the Board of Directors. Activities of the sub-committee must comply with regulations of the Board of Directors. Resolutions of the sub-committee shall only be effective when approved by the majority of attending and voting members at meetings of the sub-committee.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors or sub-committees under the Board of Directors must comply with current laws, the Charter of the Company and this Regulation.

Article 45. Selection and Appointment of the Person in Charge of Corporate Governance

1. The Board of Directors shall appoint at least one (01) person as the Person in Charge of Corporate Governance to support effective corporate governance activities. The term of office of the Person in Charge of Corporate Governance shall be decided by the Board of Directors but must not exceed five (05) years. The Person in Charge of Corporate Governance may concurrently serve as Company Secretary.

2. The Person in Charge of Corporate Governance must satisfy the following standards:

a. Having knowledge of laws;

b. Not concurrently working for the independent audit firm auditing the Company's financial statements;

c. Other standards as prescribed by laws, this Charter and decisions of the Board of Directors.

3. The Person in Charge of Corporate Governance must not concurrently work for an approved audit organization auditing the Company's financial statements.

4. The Board of Directors may dismiss the Person in Charge of Corporate Governance when necessary but not contrary to current labor laws. The Board of Directors may appoint an Assistant to the Person in Charge of Corporate Governance from time to time.

5. The Person in Charge of Corporate Governance shall have the following rights and obligations:

a. Advising the Board of Directors on organizing meetings of the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and on matters relating to relations between the Company and shareholders;

b. Preparing meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders at the request of the Board of Directors;

c. Advising on meeting procedures;

d. Attending meetings;

e. Advising on procedures for preparation of resolutions of the Board of Directors in compliance with laws;

f. Providing financial information, copies of minutes of meetings of the Board of Directors and other information to members of the Board of Directors and the Internal Audit Committee;

g. Supervising and reporting to the Board of Directors on information disclosure activities of the Company.

h. Acting as the contact point with stakeholders;

i. Maintaining confidentiality of information in accordance with laws and the Charter of the Company;

j. Other rights and obligations as prescribed by laws and the Charter of the Company.

Article 46. Cases of dismissal of the person in charge of corporate governance.

1. The Board of Directors shall dismiss the person in charge of the Company's administration in the following cases:

- Failing to satisfy standards and conditions specified in Article 46 of this Regulation;
- Submitting a resignation letter and having it accepted;
- Failing to complete assigned duties;
- Other cases permitted by laws.

2. The Board of Directors may dismiss the Person in Charge of Corporate Governance when necessary but not contrary to current labor laws.

Article 47. Announcement of appointment and dismissal of the person in charge of company administration.

After decisions on appointment or dismissal of the Person in Charge of Corporate Governance are issued, the Company shall be responsible for internal disclosure and disclosure in accordance with the laws on securities and the securities market.

CHAPTER IV. AUDIT COMMITTEE

Article 48. Establishment and operation of the Audit Committee

1. The role, rights, and responsibilities of the Audit Committee.

The Audit Committee is a specialized body under the Board of Directors, with rights and obligations as stipulated in the Enterprise Law, Article 37 of the Company Charter, and the following rights and obligations:

a. Supervising the integrity of the Company's financial statements and official announcements relating to the Company's financial results.
b. Reviewing the internal control and risk management systems;
c. Reviewing related-party transactions subject to approval by the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders and making recommendations on transactions requiring approval by the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders;
d. Supervising the Company's internal audit department;
e. Recommending the independent auditing company, remuneration level and related terms in the contract with the auditing company for approval by the Board of Directors prior to submission to the Annual General Meeting of Shareholders for approval;
f. Monitoring and assessing the independence and objectivity of the auditing company and the effectiveness of the audit process, especially where the Company uses non-audit services of the auditor;
g. Supervising compliance by the Company with laws, requirements of regulatory authorities and other internal regulations of the Company.
h. Using external legal, accounting or other consultancy services when necessary.
i. Preparing written reports to the Board of Directors upon discovering that members of the Board of Directors, the General Director and the Chief Accountant fail to fully perform their responsibilities in accordance with the Law on Enterprises and the Company Charter.
j. Developing the Operating Regulation of the Audit Committee and submitting it to the Board of Directors for approval.

2. Number, standards, and structure of the Audit Committee:

a. The number and structure of members of the Audit Committee comply with the Enterprise Law and Clause 36 of the Company's Charter.

b. Members of the Audit Committee must have knowledge of accounting and auditing, a general understanding of the law and the company's operations, and must not fall into any of the following categories:

- Working in the accounting and finance department of the company;
- Being a member or employee of an audit firm approved to audit the company's financial statements for the three consecutive years preceding the audit.

c. The term of office of a member of the Audit Committee of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as Chairman of the Audit Committee of a company for no more than two (02) consecutive terms .

3. Nomination and candidacy for members of the Audit Committee

The Chairman of the Audit Committee and other members of the Audit Committee are nominated by the Board of Directors and are not executives of the Company.

The appointment of the Chairman of the Audit Committee and other members of the Audit Committee must be approved by the Board of Directors at a meeting of the Board of Directors.

4. Meeting of the Audit Committee

a. The audit committee must hold meetings at least twice a year , as specifically stipulated in the audit committee's operating regulations.

b. The audit committee makes decisions by voting at meetings, obtaining opinions in writing, or through other means as stipulated in the company's charter or the audit committee's operating regulations.

c. Each member of the Audit Committee has one vote. Unless the company's charter or the Audit Committee's operating regulations stipulate a higher percentage, a decision of the Audit Committee is adopted if approved by a majority of the members present; in case of a tie, the final decision rests with the side whose opinion is supported by the Chairman of the Audit Committee.

5. The report on the activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders must include the following contents:

a. The remuneration, operating expenses, and other benefits of the Audit Committee and each member of the Audit Committee are regulated by the Enterprise Law and the company's charter;

b . Summarize the meetings of the Audit Committee and the conclusions and recommendations of the Audit Committee;

c . The results of monitoring the company's financial statements, operational performance, and financial situation;

d . Assessment report on transactions between the Company, subsidiaries and companies in which the public company holds more than 50% of the charter capital with members of the Board of Directors, the General Director, other executives of the enterprise and related persons of such persons; transactions between the Company and

companies in which members of the Board of Directors, the General Director or other executives are founding members or enterprise managers within the latest three (03) years prior to the transaction time.

e. Results of the assessment of the company's internal control and risk management systems;

f. The results of monitoring the Board of Directors, the General Director, and other executives of the enterprise;

g. The results of the assessment of the coordination of activities between the Audit Committee and the Board of Directors, the General Director, and the shareholders.

CHAPTER V. GENERAL DIRECTOR

Article 49. Role, responsibilities, rights and obligations of the General Director

1. The General Director is the highest executive officer managing all operations of the Company; has full authority to decide and perform the rights and obligations of the Company in accordance with regulations, except for matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; is subject to the supervision of the Board of Directors and the Audit Committee; and is accountable to the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors and the law for the management of the Company's operations and the performance of assigned rights and duties.
2. The General Director has the rights and obligations prescribed in Clause 6 Article 35 of the Company Charter and the following rights and obligations:

a. Deciding on investment, purchase or sale of assets with a value of less than ten percent (10%) of the total asset value recorded in the Company's latest financial statements.

b. Approving contracts and transactions with a value of less than 10% of the total asset value of the enterprise or resulting in the aggregate transaction value arising within twelve (12) months from the date of the first transaction being less than 10% of the total asset value recorded in the Company's latest financial statements between the Company and the subjects specified at Point v Clause 2 Article 15 of the Company Charter.

c. Approving loan agreements, lending agreements and other contracts and transactions with a value of less than thirty-five percent (35%) of the total asset value recorded in the Company's latest financial statements, except for contracts signed with persons specified at Point v Clause 2 Article 15 of the Company Charter.

d. The General Director must manage the daily business operations of the Company in accordance with the law, the Company Charter, the labor contract signed with the Company and the resolutions and decisions of the Board of Directors. In cases where management is conducted contrary to the provisions of this Clause causing damage to the Company, the General Director shall be liable before the law and must compensate the Company for damages.

Article 50. Term of office, standards and conditions of the General Director

1. The term of office of the General Director shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms. Such appointment may terminate in accordance with the provisions of the labor contract.
2. Standards of the General Director:

- The General Director must not be a person prohibited by law from holding such position and must satisfy the standards and conditions prescribed by law and the Company Charter.
- Having full civil act capacity and not falling into cases prohibited from enterprise management under the Law on Enterprises and prevailing laws.
- Possessing professional qualifications and practical experience relevant to the Company's principal business lines.
- The General Director must not be a related person of enterprise managers, representatives of state capital, representatives of enterprise capital at the Company and its parent company as prescribed at Point d Clause 46 Article 4 of the Law on Securities.
- Other standards as decided by the Board of Directors.

Article 51. Dismissal and termination of employment contract with the General Director

1. The Board of Directors may dismiss the General Director upon approval by a majority of attending members of the Board of Directors having voting rights and appoint a new General Director as replacement.
2. The General Director shall be dismissed, removed from office or have the labor contract terminated prior to expiry in the event of violating one of the following provisions:

- Acting dishonestly in performing duties and powers or abusing position and authority for personal gain or for the benefit of others;
- Making dishonest reports on the Company's financial situation;
- Other acts causing damage to the reputation and interests of the Company;
- Other cases decided by the General Meeting of Shareholders.

Article 52. Salary and other benefits of the Director

The remuneration, salary, benefits, and other terms of the employment contract for the Director are determined by the Board of Directors.

The Director's salary is included in the Company's business expenses in accordance with the law on corporate income tax, is presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

CHAPTER VI. COORDINATION OF ACTIVITIES BETWEEN THE BOARD OF DIRECTORS, THE AUDIT COMMITTEE, AND THE EXECUTIVE OFFICERS

Article 53. Coordination of activities between the Board of Directors and the Audit Committee

1. The Board of Directors shall be responsible for closely cooperating with the Audit Committee, facilitating the provision of all documents and information necessary for the Audit Committee, and respecting the independent and objective status of the Audit Committee.
2. The Board of Directors shall create the best conditions for members of the Audit Committee in performing the functions and duties of the Audit Committee and shall be responsible for directing and supervising the rectification and handling of violations as proposed by the Audit Committee.
3. Timely notify the Board of Directors upon detecting violations committed by managerial personnel in accordance with the law and the Company's Charter.
4. The Board of Directors shall have the right to request the Audit Committee to conduct inspections and audits upon request.

Article 54. Coordination of activities between the Board of Directors and the Executive Officers

1. The Board of Directors shall direct and supervise all activities of the Board of Management on the basis of creating the best possible conditions in terms of mechanisms, policies, human resources, and facilities to assist the Board of Management in fulfilling assigned duties.
2. On a quarterly and annual basis, the General Director shall submit written reports to the Board of Directors on the Company's business performance and operational orientation for the upcoming period.
3. The General Director concurrently serving as a member of the Board of Directors shall be responsible for reporting to the Board of Directors on all matters relating to the Company's executive operations. The General Director who is not concurrently a member of the Board of Directors shall be invited to attend (without voting rights) meetings of the Board of Directors.
4. For research programs, surveys, negotiations, and contract signing activities of the Company related to the functions and duties of the Board of Directors, the General Director shall be responsible for reporting to the Chairman of the Board of Directors so that members of the Board of Directors may be designated to attend.

CHAPTER VII. REGULATIONS ON ANNUAL EVALUATION OF PERFORMANCE, REWARDS AND DISCIPLINARY ACTIONS APPLICABLE TO MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS.

Article 55. Performance evaluation

1. Annually, based on assigned functions and duties, the Board of Directors shall organize evaluations of the level of fulfillment of assigned duties by each member of the Board of Directors and the General Director.
2. The General Director shall take charge of evaluating the level of fulfillment of assigned duties by other executive officers.

Article 56. Awards

1. Annually, based on the evaluation results of the Board of Directors and the General Director, the General Director shall submit to the Board of Directors proposed reward levels for individuals according to their level of task fulfillment.
2. Rewards for members of the Board of Directors shall be submitted by the Board of Directors to the General Meeting of Shareholders for approval at the annual meeting. Rewards for other executive officers shall be decided by the Board of Directors.
3. Reward forms:

   -In cash;

   - In shares under the employee stock option program (if any).
4. Funding sources for rewards shall be appropriated from the Company's Reward Fund and other lawful sources.
5. Reward levels: Based on the actual situation of each year, specific reward levels shall be determined.

Article 57. Handling of violations and disciplinary actions

1. The Board of Directors shall be responsible for developing a disciplinary system based on the nature and severity of violations.
2. Members of the Board of Directors and other executive officers who fail to fulfill their duties, violate the Company's regulations or violate legal regulations shall, depending on the nature of the violation, be subject to disciplinary measures, administrative penalties, or criminal prosecution in accordance with the Company's regulations and the law. In cases causing damage to the Company, such persons shall bear personal responsibility for the damages caused by them.

CHAPTER VIII. IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 58. Amendments and supplements

1. Any amendments and supplements to this Regulation shall be drafted and prepared by the Board of Directors and submitted to the General Meeting of Shareholders for approval.

2. In cases where legal provisions relating to the Company's operations are not yet provided for in this Regulation, or where new legal provisions differ from the provisions of this Regulation, such legal provisions shall automatically apply and govern the Company's operations.

Article 59. Effectiveness

1. This Regulation consists of 08 Chapters and 59 Articles, unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint Stock Company under Resolution No. 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated April 25, 2026, and authorizing the Chairman of the Board of Directors to promulgate it under Decision No.48./QĐ-ĐP-CT dated 15 May 2026.
2. Copies or extracts of the Internal Corporate Governance Regulation must bear the signature of the Chairman of the Board of Directors of the Company or at least one-half (1/2) of the total members of the Board of Directors.
3. The Board of Directors, the Audit Committee, the Board of Management, and related individuals and organizations of Dat Phuong Group Joint Stock Company shall be responsible for implementing this Regulation.

ON BEHALF OF THE
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed and sealed)

Luong Minh Tuan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
M.S.D.N: 0101218767-C.T.C.P
P. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

TRANSLATION

CHARTER

DAT PHUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

28th Amendment

May 2026

INDEX

PREAMBLE 5
I. DEFINITION OF TERMS IN THE STATUTES 5
Article 1. Explanation of Terms 5
Article 2. Name, legal form, headquarters, branches, representative offices, business locations and duration of operation of the Company 6
II. NAME, LEGAL FORM, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, DURATION OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY 7
Article 3. Legal Representative of the Company 7
III. BUSINESS SCOPE AND OPERATIONS OF THE COMPANY 7
Article 4. Business lines of the Company 7
Article 5. Scope of business and operations of the Company 10
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS 10
Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders 10
Article 7. Share Certificate 11
Article 8. Other securities certificates 11
Article 9. Transfer of shares 11
Article 10. Recovery of shares (applicable to enterprise registration stage) 12
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND CONTROL 12
Article 11. Organizational structure, management and control 12
VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 12
Article 12. Rights of Shareholders 12
Article 13. Obligations of Shareholders 14
Article 14. General Meeting of Shareholders 14
Article 15. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders 16
Article 16. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders 18
Article 17. Variation of rights 19
Article 18. Convening, meeting agenda and notice of invitation to the General Meeting of Shareholders 19
Article 19. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders 21
Article 20. Procedures for conducting meetings and voting at the General Meeting of Shareholders 21
Article 21. Adoption of Resolutions of the General Meeting of Shareholders 23
Article 22. Authority and procedures for collecting written opinions of shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders 24
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 25
Article 24. Request for annulment of Resolutions of the General Meeting of Shareholders 27
VII. BOARD OF DIRECTORS 27

Article 25. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors 27
Article 26. Composition and term of members of the Board of Directors 28
Article 27. Rights and obligations of the Board of Directors 29
Article 28. Remuneration, Salaries and Other Benefits of Members of the Board of Directors 31
Article 29. Chairman of the Board of Directors 31
Article 30. Meetings of the Board of Directors 32
Article 31. Committees under the Board of Directors 35
Article 32. Person in charge of corporate governance 35
VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES 36
Article 33. Management Structure 36
Article 34. Executives 37
Article 35. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director 37
IX. AUDIT COMMITTEE 39
Article 36. Organizational Structure 39
Article 37. Rights and obligations of the Audit Committee: 39
Article 38. Audit Committee Meeting: 40
Article 39. Report on activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders. 40
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES 40
Article 42. Responsibility for care 40
Article 43. Duty of loyalty and avoidance of conflicts of interest 41
Article 44. Liability for Damages and Indemnification 43
XI. RIGHTS TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS 43
Article 45. Rights to inspect books and records 43
XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION 44
Article 46. Employees and trade union 44
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 44
Article 47. Profit Distribution 44
XIV. BANK ACCOUNTS, RESERVES, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGIME 44
Article 48. Bank Accounts 44
Article 49. Fiscal Year 44
Article 50. Accounting Regime 45
XV. ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENTS AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS 45
Article 51. Annual, semi-annual and quarterly financial reports 45
Article 52. Annual Report 45
XVI. COMPANY AUDIT 45

Article 53. Audit 45
XVII. COMPANY SEAL 46
Article 54. Company seal 46
XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY 46
Article 55. Dissolution of a company 46
Article 56. Extension of operation 46
Article 57. Liquidation 47
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION 47
Article 58. Resolution of internal disputes 47
XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENT OF THE CHARTER 48
Article 59. Company Charter 48
XXI. IMPLEMENTATION PROVISIONS 48
Article 60: Implementation provisions 48
APPENDIX 01 49

PREAMBLE

This Charter was adopted pursuant to Resolution No. 02/NQ-ĐP-ĐHĐCD dated April 25, 2026 of the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint stock company

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Explanation of Terms

1. In these Charter, the following terms are understood as follows:

a. Charter capital means the total par value of shares sold or subscribed upon the establishment of the joint stock company and in accordance with Article 6 of this Charter;

b. Voting capital means share capital whereby the holders are entitled to vote on matters within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;

c. Law on Enterprises means Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

d. Law on Securities means Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

d. Vietnam means the Socialist Republic of Vietnam;

e. Date of establishment means the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate and other equivalent documents);

g. Executive officers means the General Director, Deputy General Director(s), Chief Accountant and other executives appointed by the Board of Directors;

h. Managers means the Company's managers, including the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, Deputy General Director(s), and the Chief Accountant;

i. Related persons means individuals and organizations as defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

k. Shareholder means an individual or organization owning at least one share of the joint stock company;

l. Founding shareholder means a shareholder owning at least one ordinary share and whose name appears on the list of founding shareholders of the joint stock company;

m. Major shareholder means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

n. Operating term means the duration of operation of the Company as specified in Article 2 of this Charter and any extension period (if any) approved by the General Meeting of Shareholders;

o. Stock exchange means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

p. Dividend: means the after-tax profit distributed to each share in cash or other assets.

q. Market price:

- The average trading price within thirty (30) consecutive days preceding the price determination date or the price agreed upon between the seller and the purchaser or the price determined by a valuation organization in respect of shares listed or registered for trading on the securities trading system.

- The market trading price at the immediately preceding time or the price agreed upon between the seller and the purchaser or the price determined by a valuation organization in respect of capital contributions or shares not falling under the case of shares listed or registered for trading on the securities trading system.

r. Personal legal documents: means one of the following documents: Identity Card, Citizen Identity Card, Passport, or other lawful personal identification documents.

s. Beneficial owner of an enterprise: means an individual who has actual ownership rights over the charter capital or has the right to control such enterprise, except for the representative of the direct owner at an enterprise wholly owned by the State and the representative of the State capital portion in a joint stock company or a multiple-member limited liability company in accordance with the laws on management and investment of State capital in enterprises.

2. In this Charter, references to any provision or document shall include any amendments, supplements, or replacements thereof.

3. Headings (Sections, Articles of this Charter) are included for convenience of reference only and shall not affect the interpretation of this Charter.

Article 2. Name, legal form, headquarters, branches, representative offices, business locations and duration of operation of the Company

1. Company Name

- Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
- Company name written in a foreign language: DAT PHUONG GROUP JSC
- Trading name: DAT PHUONG GROUP
- Abbreviated name: DAT PHUONG GROUP

2. The Company is a joint stock company having legal entity status in accordance with the prevailing laws of Vietnam.

3. Registered head office of the Company

Head office address: 15th Floor, Handico Building, Me Tri Ha New Urban Area, Pham Hung Street, Tu Liem Ward, Hanoi City

Tel: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Email: info@datphuong.vn

Website: www.datphuong.com.vn

4. Branches and representative offices:

The Board of Directors shall decide on the relocation of the head office and the establishment or dissolution of branches and representative offices of the Company.

5. Unless terminated prior to its expiry or extended in accordance with Article 56 of this Charter, the duration of operation of the Company shall be indefinite from the date of establishment.

II. NAME, LEGAL FORM, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, DURATION OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 3. Legal Representative of the Company

1. The company has one legal representative , who is the General Director.
2. The rights and obligations of the legal representative shall be as prescribed in Articles 12 and 13 of the Law on Enterprises and other relevant provisions of law.

III. BUSINESS SCOPE AND OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Business lines of the Company

No.	Business line	Code
1	Wholesale of construction materials and installation equipment Details: Manufacture and trading of construction materials	4673
2	Freight transport by road	4933
3	Real estate business, land use rights owned, used or leased Details: - Investment in construction of infrastructure works, residential clusters, urban areas; - Real estate business (Excluding investment in cemetery and graveyard infrastructure for transfer of land use rights attached to such infrastructure)	6810
4	Restaurants and mobile food service activities Details: Restaurant, eatery and food services (excluding bar, karaoke and nightclub businesses)	5610
5	Renting and leasing of motor vehicles	7710
6	Quarrying of stone, sand, gravel and clay	0810
7	Passenger transport by road within urban and suburban areas (excluding bus transport)	4931
8	Construction of other civil engineering works Details: Construction and installation of civil, industrial, transport and irrigation works; - Construction and installation of hydropower plants, power transmission lines and substations up to 35kV; (The Company does not provide goods and services under State monopoly and does not conduct commercial activities under the Electricity Law 2004 and Decree No. 94/2017/NĐ-CP on State monopoly goods and services)	4299 (main)

9	Renting and leasing of machinery, equipment and other tangible goods without operator	7730
10	Manufacture of concrete and products from concrete, cement and plaster	2395
11	Demolition Details: Leasing of construction and civil engineering machinery and equipment with operator	4311
12	Site preparation Details: Leasing of construction and civil engineering machinery and equipment with operator	4312
13	Installation of water supply, drainage, heating and air-conditioning systems Details: Leasing of construction and civil engineering machinery and equipment with operator	4322
14	Other construction installation activities Details: Leasing of construction and civil engineering machinery and equipment with operator	4329
15	Building completion and finishing Details: Leasing of construction and civil engineering machinery and equipment with operator	4330
16	Other specialized construction activities Details: Hiring and leasing of cranes with operators	4390
17	Business and other management consultancy activities	7020
18	Other financial service support activities not elsewhere classified Details: Investment consultancy	6619
19	Market research and public opinion polling (Excluding public opinion polling)	7320
20	Office administrative and support activities	8210
21	Architectural and engineering activities and related technical consultancy Details: Construction investment project management	7110
22	Advertising (Excluding advertising of tobacco and prohibited goods)	7310
23	Construction of residential buildings	4101

24	Construction of non-residential buildings	4102
25	Construction of railways	4211
26	Construction of roads and highways	4212
27	Construction of electrical works (Excluding construction and operation of multi-purpose hydropower plants and nuclear power projects of special socio-economic importance)	4221
28	Construction of water supply and drainage works	4222
29	Construction of telecommunications and communication works	4223
30	Construction of other utility projects (Excluding construction and operation of multi-purpose hydropower plants and nuclear power projects of special socio-economic importance)	4229
31	Construction of hydraulic works (Excluding: - Construction and operation of multi-purpose hydropower plants and nuclear power projects of special importance to socio-economic development; - Services of establishment, operation, maintenance and repair of maritime aids to navigation, waters, water areas, public maritime channels and shipping routes; services of survey of waters, water areas, public maritime channels and shipping routes for the purpose of publication of Notices to Mariners; services of survey, construction and publication of nautical charts for waters, seaports, maritime channels and shipping routes; construction and publication of maritime safety documents and publications)	4291
32	Construction of mining works	4292
33	Construction of processing and manufacturing works	4293
34	Electrical installation	4321
35	Operation of sports facilities (Excluding electronic gaming business)	9311
36	Hotels and similar accommodation services	5510
37	Other short-term accommodation services	5520

	(For conditional business lines, the enterprise shall only conduct business upon satisfying all conditions as prescribed by law)	Business lines not yet matched with the Vietnam Standard Industrial Classification system.

Depending on business conditions, the General Meeting of Shareholders shall have the authority to decide on amendments and supplements to the Company's business lines in accordance with law.

Article 5. Scope of business and operations of the Company

The Company is entitled to conduct business activities in the registered business lines as stipulated in this Charter, after duly registering or notifying any changes to the business registration authority and publishing such information on the National Business Registration Portal, in accordance with applicable laws, and to implement appropriate measures to achieve the Company's objectives.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders

1. The charter capital of the Company is VND 1,185,870,960,000 (In words: One trillion one hundred eighty-five billion eight hundred seventy million nine hundred sixty thousand dong). Of which 100% of the charter capital is privately owned.

The total charter capital of the Company is divided into 118,587,096 shares (One hundred eighteen million five hundred eighty-seven thousand and ninety-six shares) with a par value of VND 10,000 (Ten thousand dong).

2. The Company may change its charter capital when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. The shares of the Company at the time of adoption of this Charter include ordinary shares and preferred shares (if any). The rights and obligations of shareholders holding each class of shares are provided in Article 12 and Article 13 of this Charter.

4. The Company may issue other classes of preferred shares after obtaining approval from the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. The names, addresses, number of shares and other information of the founding shareholders in accordance with the Law on Enterprises are set out in Appendix 01 attached hereto. This Appendix forms an integral part of this Charter.

6. Ordinary shares shall be offered for sale to existing shareholders in priority in proportion to their respective holdings of ordinary shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. The number of shares not fully subscribed by shareholders shall be decided by the Board of Directors. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders and other persons on terms not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

7. The Company may repurchase shares issued by itself in the manner provided for in this Charter and applicable laws. Shares repurchased by the Company shall be treasury shares and the

Board of Directors may offer them for sale in accordance with the Law on Securities, relevant guiding documents and this Charter.

8. The Company may issue other types of securities when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

Article 7. Share Certificate

1. Shareholders of the Company shall be issued share certificates corresponding to the number and class of shares owned.

2. A share certificate is a type of security certifying the lawful rights and interests of the holder with respect to a portion of the share capital of the issuing organization. A share certificate must contain all contents as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. In case of any error in the contents and form of share certificates issued by the Company, the rights and interests of the holder shall not be affected. The legal representative of the Company shall be responsible for any damage caused by such errors.

4. In case a share certificate is lost, damaged or destroyed in another form, the shareholder shall be re-issued a share certificate by the Company upon request of such shareholder. The request of the shareholder must include undertakings on the following contents:

a. The share certificate has actually been lost, burnt or otherwise destroyed; in case of loss, an additional undertaking that all possible efforts have been made to search for it and that if it is found, it will be returned to the Company for destruction;

b. To be responsible for any disputes arising from the re-issuance of a new share certificate.

For shares with a nominal value exceeding ten million Vietnamese Dong, before accepting a request for new shares, the legal representative of the Company may require the shareholder to publish a notice regarding the loss, burning, or destruction of the shares in any other form. After fifteen days from the date of publication of the notice, the owner may then request the company to issue new shares.

5. Within 10 days of submitting a complete application for the transfer of share ownership as stipulated by the Company, or within 10 days of making full payment for the shares as stipulated in the Company's share issuance plan (or other period as stipulated in the issuance terms), the shareholder will be issued a share certificate. The shareholder is not required to pay the Company the cost of printing the share certificate.

Article 8. Other securities certificates

The Company's bond certificates or other securities certificates are issued bearing the signature of the legal representative and the Company's seal.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares are freely transferable except as otherwise provided in this Charter and by law. Shares listed or registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the laws on securities and the securities market.

2. Shares which have not been fully paid shall not be transferred and shall not be entitled to related rights such as the right to receive dividends, the right to receive bonus shares issued from equity, the right to subscribe for newly issued shares and other rights in accordance with the provisions of law.

Article 10. Recovery of shares (applicable to enterprise registration stage)

1. In case a shareholder fails to fully and timely pay for the subscribed shares, the Board of Directors shall notify and has the right to request such shareholder to pay the remaining amount and be liable corresponding to the total par value of the subscribed shares for the financial obligations of the Company arising from such failure.

2. The notice mentioned above must clearly state the new payment deadline (at least [07 days] from the date of dispatch of the notice), the place of payment, and must clearly state that if payment is not made as required, the unpaid shares shall be subject to recovery.

3. The Board of Directors has the right to recover shares which are not fully and timely paid in case the requirements stated in the above notice are not fulfilled.

4. Recovered shares shall be deemed shares permitted to be offered for sale as provided in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may directly or authorize the sale or redistribution of such shares under such conditions and methods as it deems appropriate.

5. Shareholders holding recovered shares must forfeit their status as shareholders in respect of such shares, but shall still be liable corresponding to the total par value of the subscribed shares for the financial obligations of the Company arising at the time of recovery in accordance with the decision of the Board of Directors from the date of recovery until full payment is made. The Board of Directors has full authority to decide on enforcement of payment of the full value of the shares at the time of recovery.

6. Notice of recovery shall be sent to the holder of the recovered shares prior to the recovery. The recovery shall remain effective even in case of errors or negligence in sending such notice.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND CONTROL

Article 11. Organizational structure, management and control

A joint stock company shall have the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the General Director.

In which at least twenty percent (20%) of the members of the Board of Directors must be independent members and there shall be an Audit Committee under the Board of Directors.

VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of Shareholders

1. Ordinary shareholders have the following rights:

a. To attend and speak at meetings of the General Meeting of Shareholders and to exercise voting rights directly or through authorized representatives or to vote remotely, vote electronically or by other forms as prescribed in Article 4 of the Internal Regulations on Corporate Governance. Each ordinary share shall carry one (01) vote;

b. To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;

c. To be given priority in subscribing for new shares in proportion to their respective holdings of ordinary shares in the Company;

d. To freely transfer their shares to others, except for the cases specified in Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant provisions of law;

e. To examine, look up and extract information on names and contact addresses in the list of shareholders entitled to vote; to request correction of their inaccurate information;

f. To examine, look up, extract or copy the Company's Charter, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

g. Upon dissolution or bankruptcy of the Company, to receive a portion of the remaining assets corresponding to their shareholding ratio in the Company after the Company has paid all debts (including obligations to the State, taxes and fees) and payments to shareholders holding other classes of shares in accordance with the law;

h. To request the Company to repurchase shares in the cases specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i. To be treated equally. Each share of the same class shall confer equal rights, obligations and interests on its holder. In case the Company has preferred shares, the rights and obligations attached to such preferred shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

j. To have access to full periodic and ad hoc information disclosed by the Company in accordance with the law;

k. To have their lawful rights and interests protected; to request suspension or cancellation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises;

l. Other rights as provided by law and this Charter.

Shareholders holding preferred shares (if any) shall also have rights as prescribed in Articles 116, 117 and 118 of the Law on Enterprises.

2. Shareholders or groups of shareholders owning five percent (05%) or more of the total number of ordinary shares have the following rights:

a. To examine, look up and extract minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except for documents related to trade secrets and business secrets of the Company;

b. Request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3 Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises. Such request for convening the General Meeting of Shareholders must be accompanied by documents and evidence of the violations committed by the Board of Directors, the extent of such violations or decisions made beyond its authority. The shareholder or group of shareholders shall take full legal responsibility for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to competent authorities when requesting the convening of the General Meeting of Shareholders.

c. To propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders in accordance with Clauses 4, 5 and 6, Article 18 of this Charter;

d. Other rights as provided by law and this Charter.

3. A shareholder or group of shareholders holding ten percent (10%) or more of the total number of ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors. The nomination of candidates to the Board of Directors shall be carried out as follows:

a. Ordinary shareholders voluntarily forming a group to nominate candidates to the Board of Directors must notify the meeting of such grouping to attending shareholders prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b. Based on the number of members of the Board of Directors, shareholders or groups of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more persons, as decided by the General Meeting of Shareholders, as candidates to the Board of Directors. In case the number of candidates nominated by shareholders or groups of shareholders is less than the number they are entitled to nominate as decided by the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors and other shareholders.

Article 13. Obligations of Shareholders

1. Pay in full and on time for the number of shares committed to be purchased.

Shareholders are not allowed to withdraw capital contributed in the form of ordinary shares from the Company in any form, except in cases where the shares are repurchased by the Company or another party. In case a shareholder withdraws part or all of the contributed share capital in violation of this Clause, the members of the Board of Directors and the legal representative of the Company shall be jointly and severally liable for the debts and other property obligations of the Company within the value of the withdrawn shares.

2. Comply with the Company's Charter and internal management regulations.
3. Comply with the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
4. Perform other obligations in accordance with the provisions of law and the Company's Charter.
5. Ordinary shareholders shall bear personal liability when acting in the name of the Company in any form to carry out any of the following acts:

a. Violating the law;

b. Conducting business and other transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

c. Paying debts that are not yet due in the face of potential financial risks to the Company.

6. Maintain confidentiality of information provided by the Company in accordance with the Charter and the law; use such information only to exercise and protect their lawful rights and interests; strictly prohibited from disseminating, copying or sending information provided by the Company to other organizations or individuals.
7. Attend meetings of the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through the following forms:

a. Attending and voting directly at the meeting;

b. Authorizing another individual or organization to attend and vote at the meeting;

c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic forms;

d. Sending voting ballots to the meeting by mail, fax or email.

Article 14. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders consists of all shareholders having voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall

hold an annual meeting once (01) per year within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may decide to extend the time for holding the annual General Meeting of Shareholders where necessary, but not exceeding six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may hold extraordinary meetings. The location of the General Meeting of Shareholders shall be determined as the place where the chairperson attends the meeting and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and select an appropriate venue. The annual General Meeting of Shareholders shall decide on matters as prescribed by law and the Company's Charter, in particular approving the audited annual financial statements. In case the audit report on the Company's annual financial statements contains material exceptions, adverse opinions or disclaimers of opinion, the Company must invite a representative of the approved auditing organization that conducted the audit of the Company's financial statements to attend the annual General Meeting of Shareholders, and such representative shall be responsible for attending the meeting.

3. The Board of Directors must convene an extraordinary general meeting of shareholders in the following cases:

a. The Board of Directors deems it necessary for the interests of the Company;

b. The number of remaining members of the Board of Directors is less than the minimum number prescribed by law;

c. The number of members of the Board of Directors is reduced by more than one-third (1/3) compared to the number prescribed in this Charter;

d. Upon request of a shareholder or group of shareholders as provided in Clause 2, Article 12 of this Charter. The request to convene a General Meeting of Shareholders must be made in writing, clearly stating the reasons and purposes of the meeting, and bearing the full signatures of the relevant shareholders, or be made in multiple documents and collectively bear the full signatures of the relevant shareholders;

e. Other cases as prescribed by law and this Charter.

4. Convening an extraordinary general meeting of shareholders.

a. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date when the number of remaining members of the Board of Directors or independent members falls to the level specified at Point b, Clause 3 of this Article, or upon receipt of the request specified at Points d and e, Clause 3 of this Article.

b. In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed at Point a, Clause 4 of this Article, the Chairman of the Board of Directors and its members shall be liable before the law and must compensate for any damages incurred by the Company.

c. Within the next thirty (30) days, the shareholder or group of shareholders specified at Point c, Clause 3 of this Article shall have the right to request a representative of the Company to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 4, Article 140 of the Law on Enterprises.

In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the business registration authority to supervise the order and procedures

for convening, conducting the meeting and passing resolutions of the General Meeting of Shareholders. All expenses for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. Such expenses shall not include expenses incurred by shareholders when attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.

d. At the request of shareholders or a group of shareholders specified in Clause 2 Article 12 of this Charter. The request for convening the General Meeting of Shareholders must be made in writing, clearly stating the reasons and purposes of the meeting and must include the following contents: full name, contact address, nationality, and legal document number in respect of shareholders being individuals; name, enterprise code number or legal document number of the organization, and head office address in respect of shareholders being organizations; number of shares and date of share registration of each shareholder, total number of shares of the shareholder group and ownership ratio in the total number of shares of the Company, grounds and reasons for requesting the convening of the General Meeting of Shareholders. Such request must be accompanied by documents and evidence of the violations committed by the Board of Directors, the extent of such violations or decisions made beyond its authority. The shareholder or group of shareholders shall take full legal responsibility before the law for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to competent authorities when requesting the convening of the General Meeting of Shareholders;

e. Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 15. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:

a. To approve the development orientation of the Company;

b. To decide on the classes of shares and the total number of shares of each class authorized to be offered; to decide the annual dividend rate for each class of shares in accordance with the Law on Enterprises and the rights attached to such class of shares; such dividend rate shall not exceed the level proposed by the Board of Directors after consulting shareholders at the General Meeting of Shareholders;

c. To elect, dismiss and remove members of the Board of Directors;

d. To decide on investment or sale of assets with a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements of the Company;

e. To decide on amendments and supplements to the Company's Charter;

f. To approve the annual financial statements;

g. To decide on the repurchase of more than ten percent (10%) of the total number of shares sold of each class;

h. To examine and handle violations committed by members of the Board of Directors causing damage to the Company and its shareholders;

i. To decide on reorganization and dissolution of the Company;

j. To decide on the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors;

k. To approve the internal corporate governance regulations and the operating regulations of the Board of Directors;

l. To approve the list of approved auditing firms; to decide the approved auditing firm to audit the Company's activities; to dismiss an approved auditor when deemed necessary;

m. Other rights and obligations as prescribed by law.

2. The General Meeting of Shareholders discussed and approved the following matters:

a. The annual business plan of the Company;

b. The audited annual financial statements;

c. The report of the Board of Directors on corporate governance and performance results of the Board of Directors and each member thereof;

f. The dividend rate for each share of each class;

g. The number of members of the Board of Directors;

h. The election, dismissal and removal of members of the Board of Directors;

i. The budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors;

j. Approval of the list of approved auditing organizations; decision on the approved auditing organization to audit the Company's activities when deemed necessary;

k. Amendments and supplements to the Company's Charter;

l. The classes of shares and the number of new shares to be issued for each class;

m. Division, separation, consolidation, merger or conversion of the Company;

n. Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of the liquidator;

o. Investment or sale of assets with a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements of the Company;

p. Repurchase of more than ten percent (10%) of the total number of shares sold of each class;

q. Types, total value of bonds and timing of issuance of convertible bonds and bonds with warrants;

r. Examination and handling of violations committed by the Board of Directors causing damage to the Company and its shareholders;

s. Granting loans or guarantees to members of the Board of Directors, the General Director, other managers who are not shareholders and their related persons; except for the case of granting loans or guarantees to related organizations of members of the Board of Directors, the General Director and other managers where the public company and such organizations are companies within the same group or companies operating under a group structure, including parent company - subsidiary relationships, which shall be decided by the Board of Directors;

t. To decide on contracts and transactions between the Company and the persons specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises with a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total value of assets of the Company recorded in the most recent financial statements, except for the case specified at Point v of this Clause;

u. To decide on transactions with a value of thirty-five percent (35%) or more, or transactions resulting in the total value of transactions arising within twelve (12) months from the date of the first transaction reaching thirty-five percent (35%) or more of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, between the Company and one of the following persons:

- Members of the Board of Directors, the General Director, other managers and their related persons;

- Shareholders and their authorized representatives holding more than ten percent (10%) of the total ordinary share capital of the Company and their related persons;

- Enterprises in which members of the Board of Directors, the General Director and other managers of the Company are required to declare interests in accordance with Clause 2, Article 164 of the Law on Enterprises;

In this case, shareholders having related interests in the parties to such contracts or transactions shall not have voting rights.

v. To decide on contracts and transactions involving borrowing, lending, or sale of assets with a value greater than ten percent (10%) of the total value of assets of the enterprise recorded in the most recent financial statements between the Company and a shareholder holding fifty-one percent (51%) or more of the total voting shares or their related persons;

w. Other matters within its authority.

3. All resolutions and matters included on the agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 16. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders and authorized representatives of institutional shareholders may attend the meeting in person, authorize in writing one or more individuals or organizations to attend the meeting, or attend the meeting through one of the forms specified in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises.

2. The authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders must be made in writing. The power of attorney shall be made in accordance with civil law and must clearly state the name of the authorizing shareholder; the name of the authorized individual or organization and the number of shares authorized; the contents and scope of authorization; the term of authorization; and the signatures of the authorizing party and the authorized party. The authorized individual or organization attending the General Meeting of Shareholders must present the power of attorney upon registration for attendance before entering the meeting room.

3. The voting ballots of the authorized representative attending the meeting within the scope of authorization shall remain valid in any of the following cases:

a) The authorizing person has died, has limited civil act capacity or has lost civil act capacity;

b) The authorizing person has revoked the authorization;

c) The authorizing person has revoked the authority of the authorized person.

This provision shall not apply in cases where the Company has received notice of one of the above events prior to the opening time of the General Meeting of Shareholders or prior to the reconvening of the meeting.

Article 17. Variation of rights

1. Dividends paid on preferred shares shall be implemented in accordance with the conditions applicable to each type of preferred shares. In case of variation or cancellation of the special rights attached to a type of preferred shares, the payment of dividends shall be carried out in accordance with the provisions of law, in which the conditions, order and procedures for such variation or cancellation shall be implemented as follows:

The variation or cancellation of special rights attached to a type of preferred shares shall be effective when approved by shareholders representing sixty-five percent (65%) or more of the total voting votes of all attending shareholders. A resolution of the General Meeting of Shareholders on contents that adversely change the rights and obligations of shareholders holding preferred shares shall only be passed if approved by shareholders of the same class of preferred shares attending the meeting and holding seventy-five percent (75%) or more of the total number of such preferred shares, or approved by shareholders of the same class of preferred shares holding seventy-five percent (75%) or more of the total number of such preferred shares in the case of approval by written opinions.

2. The organization of a meeting of shareholders holding a type of preferred shares to approve the above variation of rights shall be valid only when attended by at least two (02) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the total par value of the issued shares of that class. In case the required quorum is not met, the meeting shall be reconvened within thirty (30) days thereafter, and those holding shares of such class (regardless of the number of attendees and the number of shares) present in person or through authorized representatives shall be deemed to constitute a valid quorum. At such meetings of shareholders holding preferred shares, those present in person or through representatives may request a secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Procedures for conducting such separate meetings shall be implemented in a manner similar to the provisions in Articles 19, 20 and 21 of this Charter.

4. Unless otherwise provided in the terms of issuance of shares, the special rights attached to classes of shares with preferential rights in respect of some or all matters relating to the distribution of profits or assets of the Company shall not be varied when the Company issues additional shares of the same class.

Article 18. Convening, meeting agenda and notice of invitation to the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene annual and extraordinary General Meetings of Shareholders. The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the cases specified in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. The person convening the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:

a. Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than ten (10) days prior to the date of sending the invitation notice for the General Meeting of Shareholders. The Company must disclose information on the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least twenty (20) days before the last registration date. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting

of Shareholders shall be prepared based on the shareholder register and the securities holder register of the Company.

b. Prepare the agenda and contents of the meeting;

c. Prepare documents for the meeting;

d. Prepare draft resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the expected contents of the meeting;

đ. Determine the time and venue of the meeting;

e. Notify and send the notice of invitation to the General Meeting of Shareholders to all shareholders entitled to attend the meeting;

g. Other tasks for serving the meeting.

3. The notice of invitation to the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method ensuring delivery to the shareholders' contact addresses, and at the same time published on the Company's website and on the websites of the State Securities Commission and the Stock Exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The person convening the General Meeting of Shareholders must send the notice of invitation to all shareholders in the list of shareholders entitled to attend the meeting at least twenty-one (21) days prior to the opening date of the meeting (calculated from the date the notice is validly sent or dispatched). The agenda of the General Meeting of Shareholders and documents related to matters to be voted on at the meeting shall be sent to shareholders and/or posted on the Company's website. In case such documents are not enclosed with the notice of invitation, the notice must clearly state the link to all meeting documents so that shareholders may access them, including:

a. The meeting agenda and documents used at the meeting;

b. The list and detailed information of candidates in case of election of members of the Board of Directors;

c. Voting ballots;

d. Draft resolutions for each matter in the meeting agenda.

4. A shareholder or group of shareholders as provided in Clause 2, Article 12 of this Charter shall have the right to propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposal must be made in writing and sent to the Company at least three (03) working days prior to the opening date of the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of shares of each class held by the shareholder, and the matter proposed to be included in the meeting agenda.

5. The person convening the General Meeting of Shareholders has the right to refuse a proposal specified in Clause 4 of this Article in one of the following cases:

a. The proposal is not submitted in accordance with Clause 4 of this Article;

b. At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold at least five percent (5%) of the ordinary shares as provided in Clause 2, Article 12 of this Charter;

c. The proposed matter does not fall within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;

d. Other cases as provided by law and this Charter.

6. The person convening the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposal specified in Clause 4 of this Article in the proposed agenda and contents of the meeting, except for the cases specified in Clause 5 of this Article; such proposal shall be officially included in the agenda and contents of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 19. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders

1. A General Meeting of Shareholders shall be conducted when the number of attending shareholders represents more than fifty percent (50%) of the total voting votes.

2. In case the first meeting does not satisfy the conditions for conducting as prescribed in Clause 1 of this Article, the notice of invitation for the second meeting must be sent within thirty (30) days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall be conducted when the number of attending shareholders represents at least thirty-three percent (33%) of the total voting shares.

3. In case the second meeting does not satisfy the conditions for conducting as prescribed in Clause 2 of this Article, the notice of invitation for the third meeting must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. In this case, the General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the number of voting votes of the attending shareholders.

4. Only the General Meeting of Shareholders has the right to decide on any change to the meeting agenda attached to the notice of invitation in accordance with Article 142 of the Law on Enterprises.

Article 20. Procedures for conducting meetings and voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before the meeting commences, the Company must conduct shareholder registration and continue the registration process until all shareholders entitled to attend the meeting have registered, following this procedure:

a. When registering shareholders, the Company shall issue to each shareholder or authorized representative having voting rights a voting card and/or voting ballot, election ballot (if any), stating the registration number, full name of the shareholder or authorized representative and the number of voting/election rights of such shareholder or authorized representative;

b. In case the Company organizes an online General Meeting of Shareholders and electronic voting, shareholders and their authorized representatives (if any) shall access the online meeting and electronic voting system to attend and exercise voting and election rights;

c. Voting results shall be announced by the chairperson or the head of the vote-counting committee immediately after the counting results are available;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect persons responsible for vote counting or supervising vote counting upon the proposal of the chairperson. The number of members of the vote-counting committee shall be decided by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the chairperson;

e. Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders or authorized attendees who arrive after the opening of the meeting may still register and have the right to participate in voting immediately after registration. The chairperson is not required to suspend the

meeting for late attendees to register, and the validity of matters already voted on shall not be affected.

2. The election of the chairperson, secretary and vote-counting committee shall be conducted as follows:

a. The Chairman of the Board of Directors shall act as the chairperson or authorize another member of the Board of Directors to act as the chairperson of the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. In case the Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members of the Board of Directors shall elect one among them to act as chairperson of the meeting on the principle of majority. In case no chairperson can be elected, the Chairman of the Audit Committee shall preside over the election of the chairperson by the General Meeting of Shareholders, and the person receiving the highest number of votes shall act as chairperson;

b. Except for the case specified in Point a of this Clause, the person signing the decision to convene the General Meeting of Shareholders shall preside over the election of the chairperson, and the person receiving the highest number of votes shall act as chairperson;

c. The chairperson shall appoint one or more persons as secretaries of the meeting;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or more persons to the vote-counting committee upon the proposal of the chairperson.

3. The agenda and contents of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda must clearly and specifically determine the time for each matter included therein.

4. The chairperson has the right to take necessary and reasonable measures to conduct the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda and reflecting the wishes of the majority of attendees.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter in the agenda. Voting shall be conducted by approval, disapproval and abstention. The vote-counting results shall be announced by the chairperson immediately before the closing of the meeting.

6. Shareholders or authorized attendees arriving after the opening of the meeting shall be registered and have the right to participate in voting immediately after registration. The chairperson shall not suspend the meeting for late arrivals to register; in this case, the validity of votes already conducted shall not be affected.

7. The person convening the meeting or the chairperson of the General Meeting of Shareholders has the following rights:

a. To require all attendees to undergo inspection or other lawful and reasonable security measures;

b. To request competent authorities to maintain order at the meeting; to expel persons who do not comply with the chairperson's authority, intentionally cause disorder, obstruct the normal progress of the meeting or fail to comply with security inspection requirements from the General Meeting of Shareholders.

8. The chairperson has the right to postpone a General Meeting of Shareholders which has a sufficient number of registered attendees for a maximum period of three (03) working days from the intended opening date and may only postpone or change the meeting venue in the following cases:

a. The meeting venue does not have sufficient seating for all attendees;

b. The means of communication at the meeting venue do not ensure that attending shareholders can participate, discuss and vote;

c. There are attendees who obstruct or cause disorder, posing a risk that the meeting cannot be conducted in a fair and lawful manner.

9. In case the chairperson postpones or suspends the General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person among the attendees to replace the chairperson to conduct the meeting until its completion; all resolutions adopted at such meeting shall remain valid.

10. A shareholder shall be deemed to attend and vote at the General Meeting of Shareholders in one of the following cases:

a. Attending and voting directly at the meeting;

b. Authorizing another person to attend and vote at the meeting;

c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic forms;

d. Sending voting ballots to the meeting by mail, fax or email.

Article 21. Adoption of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following matters shall be adopted if approved by shareholders representing sixty-five percent (65%) or more of the total voting votes of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in Clauses 3, 4 and 6 of this Article:

a. Types of shares and total number of shares of each type;

b. Changes in business lines, trades and sectors;

c. Changes in the organizational and management structure of the Company;

d. Investment projects or sale of assets with a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total asset value as recorded in the most recent financial statements of the Company;

e. Reorganization or dissolution of the Company.

2. Resolutions shall be adopted when approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total voting votes of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in Clauses 1, 3, 4 and 6 of this Article.

3. Voting for the election of members of the Board of Directors may be conducted by cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors, and shareholders have the right to allocate all or part of their total votes to one or several candidates. Elected members of the Board of Directors shall be determined based on the number of votes from highest to lowest, starting from the candidate with the highest number of votes until the required number of members as prescribed in the Company's Charter is reached. In case two (02) or more candidates receive the same number of votes for the last position on the Board of Directors, a re-election shall be conducted among those candidates with equal votes or selection shall be made according to criteria specified in the election regulations. In addition, voting for the election of members of the Board of Directors may be conducted by other methods as provided in the election regulations for each election.

4. Decisions adopted at a General Meeting of Shareholders attended, directly or by proxy, by shareholders representing one hundred percent (100%) of the total voting shares shall be lawful and valid even if the order and procedures for convening the meeting, the meeting agenda and the procedures for conducting the meeting are not carried out in accordance with the regulations.

5. In case resolutions are adopted by written consultation, a resolution of the General Meeting of Shareholders shall be adopted if approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total voting votes of all shareholders having voting rights.

6. A resolution of the General Meeting of Shareholders on contents that adversely change the rights and obligations of shareholders holding preference shares shall only be adopted if approved by shareholders holding at least seventy-five percent (75%) of the total number of such preference shares of the same class attending the meeting, or by shareholders holding at least seventy-five percent (75%) of the total number of such preference shares of the same class in case the resolution is adopted by written consultation.

Article 22. Authority and procedures for collecting written opinions of shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders.

The authority and procedures for collecting written opinions of shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be implemented in accordance with the following provisions:

1. The Board of Directors has the right to collect written opinions of shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders on all matters within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders if it deems necessary and for the benefit of the Company.

2. The Board of Directors must prepare opinion collection ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, explanatory documents for the draft resolutions and send them to all shareholders having voting rights no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the opinion ballots. The preparation of the list of shareholders to whom opinion ballots are sent shall comply with Clauses 1 and 2, Article 141 of the Law on Enterprises. The requirements and methods of sending opinion ballots and accompanying documents shall comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. The opinion ballot issued by the Company must contain the following principal contents:

a. Name, address of the head office, and enterprise code;

b. Purpose of the opinion collection;

c. Full name, contact address, nationality, and legal identification number of an individual shareholder; name, enterprise code or legal document number, and head office address of an organizational shareholder; or full name, contact address, nationality, and legal identification number of the representative of an organizational shareholder; number of shares of each class and number of voting rights of the shareholder;

d. Matters to be voted on for decision;

e. Voting options including approval, disapproval, and abstention for each matter;

f. Deadline for returning the completed opinion ballot to the Company;

g. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors and the legal representative of the Company.

4. Shareholders may return the completed opinion ballots to the Company by post, fax or email in accordance with the following provisions:

a. In case of sending by post, the completed opinion ballot must bear the signature of the individual shareholder, or the authorized representative or legal representative of an organizational shareholder. The opinion ballot sent to the Company must be enclosed in a sealed envelope and must not be opened by anyone prior to vote counting;

b. In case of sending by fax or email, the opinion ballot sent to the Company must be kept confidential until the time of vote counting;

c. Opinion ballots returned to the Company after the deadline specified in the ballot, or opened in the case of postal delivery, or disclosed prior to the time of vote counting in the case of fax or email, shall be deemed invalid. Opinion ballots not returned shall be deemed as not participating in voting.

5. The Board of Directors shall organize the vote counting and prepare the vote-counting minutes under the supervision of shareholders who do not hold management positions in the Company. The vote-counting minutes must contain the following principal contents:

a. Name, address of the head office, and enterprise code;

b. Purpose and matters subject to voting for adoption of resolutions;

c. Number of shareholders and total number of voting votes participating in voting, specifying the number of valid and invalid votes and the method of submission of voting ballots, attached with a list of shareholders participating in voting;

d. Total number of votes for approval, disapproval, and abstention for each matter;

e. Matters adopted and the corresponding approval ratios;

f. Full names and signatures of the Chairman of the Board of Directors, the legal representative of the Company, the vote-counting supervisor and the vote counters.

Members of the Board of Directors, vote counters and vote-counting supervisors shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes and jointly liable for any damages arising from decisions adopted due to untruthful or inaccurate vote counting.

6. The vote-counting minutes must be sent to shareholders within fifteen (15) days from the completion of vote counting. In case the Company has a website, the vote-counting minutes and the resolution must be posted on the Company's website within twenty-four (24) hours from the completion of vote counting.

7. Completed opinion ballots, vote-counting minutes, adopted resolutions and related documents sent together with the opinion ballots must be retained at the head office of the Company.

8. A resolution adopted in the form of collecting written opinions of shareholders shall be valid if approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total voting votes of all shareholders having voting rights and shall have the same validity as a resolution adopted at a meeting of the General Meeting of Shareholders.

Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be made in

Vietnamese and may also be made in a foreign language; both versions shall have equal legal validity. In case of any inconsistency between the two versions, the Vietnamese version shall prevail. The minutes must contain the following principal contents:

a. Name, address of the head office, and enterprise code;

b. Time and location of the General Meeting of Shareholders;

c. Meeting agenda and contents of the meeting;

d. Full name of the chairperson and the secretary;

e. Summary of the proceedings of the meeting and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders on each matter in the meeting agenda;

f. Number of shareholders and total number of voting votes of the attending shareholders; appendix listing registered shareholders and representatives of shareholders attending the meeting, together with the number of shares and corresponding voting rights;

g. Total number of votes for each matter voted on, clearly stating the voting method, total number of valid votes, invalid votes, votes in favor, votes against and abstentions; corresponding ratios based on the total number of voting votes of attending shareholders;

h. Matters adopted and the corresponding approval ratios;

i. Full names and signatures of the chairperson and the secretary. In case the chairperson or the secretary refuses to sign the minutes, such minutes shall be valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and containing all contents as prescribed in this Clause. The minutes must clearly state the refusal of the chairperson or the secretary to sign the minutes.

2. The resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and adopted before the closing of the meeting. The chairperson and the secretary of the meeting or other persons signing the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.

The minutes of the General Meeting of Shareholders must be sent to all shareholders within fifteen (15) days from the closing date of the meeting. The sending of the minutes may be replaced by posting them on the Company's website within twenty-four (24) hours from the closing date of the meeting.

The minutes of the General Meeting of Shareholders shall be considered authentic evidence of the matters conducted at the meeting unless objections to the contents of the minutes are raised in accordance with prescribed procedures within ten (10) days from the date of sending the minutes.

The minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix listing shareholders registered to attend the meeting, the adopted resolutions and related documents attached to the notice of invitation must be retained at the head office of the Company.

3. The resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders must be fully disclosed on the Company's website, the portal of the State Securities Commission and the Stock Exchange within twenty-four (24) hours from the date they are adopted by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the Law on Enterprises.

Article 24. Request for annulment of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or the minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of vote-counting results of the collection of shareholders' opinions, a member of the Board of Directors, the General Director, a shareholder or a group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request the Court or Arbitration to consider and annul the resolution or part of the contents of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The order and procedures for convening the meeting or collecting shareholders' opinions in writing and adopting decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Law on Enterprises and this Charter, except for the case specified in Clause 4, Article 21 of this Charter.
2. The contents of the resolution violate the law or this Charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors

1. In case candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information relating to such candidates at least ten (10) days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders on the Company's website so that shareholders may review the candidates before voting. Candidates for the Board of Directors must provide a written commitment on the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and must undertake to perform their duties honestly, prudently and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. Information relating to candidates for the Board of Directors to be disclosed includes:

a. Full name, date of birth;

b. Professional qualifications;

c. Working experience;

d. Other managerial positions (including positions on the Board of Directors of other companies);

d. Interests related to the Company and related parties of the Company;

e. Other information (if any) as prescribed in the Company's Charter;

g. A public company must be responsible for disclosing information about companies in which the candidate is currently holding positions as a member of the Board of Directors, other managerial positions, and the candidate's related interests in such companies (if any).

2. A shareholder or group of shareholders owning from ten percent (10%) or more of the total number of ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors as follows:

A shareholder or group of shareholders owning from 10% to 20% shall be entitled to nominate up to two (02) candidates; from over 20% to 30% shall be entitled to nominate up to three (03) candidates; from over 30% to 40% shall be entitled to nominate up to four (04) candidates; from over 40% to 50% shall be entitled to nominate up to five (05) candidates; and from over 50% or more shall be entitled to nominate a number of candidates equal to the number of members of the Board of Directors approved by the General Meeting of Shareholders.

3. In case the number of candidates for the Board of Directors through nomination and self-nomination is still insufficient as required under Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Internal Regulations on Corporate Governance and/or the Regulations on operation of the Board of Directors. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders conducts voting for the election of members of the Board of Directors in accordance with the law.

4. Members of the Board of Directors and independent members of the Board of Directors must meet the standards and conditions as prescribed in Clauses 1 and 2, Article 155 of the Law on Enterprises.

Article 26. Composition and term of members of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall have no fewer than five (05) members and no more than eleven (11) members, and at least twenty percent (20%) of the members of the Board of Directors must be independent members. The number of members of the Board of Directors must reside in Vietnam. The term of office of a member of the Board of Directors is five (05) years; members of the Board of Directors may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than two (02) consecutive terms. The total number of non-executive members of the Board of Directors must account for at least one-third of the total number of members of the Board of Directors.

2. The Board of Directors of the preceding term shall continue to operate until a new Board of Directors is elected and takes over the duties.

3. In case a member is elected as an addition or replacement for a member who is dismissed or removed during the term, the term of such member shall be the remaining term of the Board of Directors.

4. The composition of the Board of Directors must ensure a balance among members with knowledge and experience in law, finance, and the Company's business sectors, and must take gender factors into consideration.

5. The total number of independent members of the Board of Directors must comply with the following:

a. There must be at least one independent member in the case where the company has a Board of Directors with 3 to 5 members;

b. There must be at least two independent members in the case of a company with 6 to 8 members on its Board of Directors;

c. There must be at least 3 independent members in the case where the company has 9 to 11 members on its Board of Directors .

6. A member of the Board of Directors shall no longer hold such position in case he/she is dismissed, removed or replaced by the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

7. The appointment of members of the Board of Directors must be disclosed in accordance with the laws on information disclosure in the securities market.

8. Members of the Board of Directors are not necessarily required to be shareholders of the Company.

9. The number of non-executive members of the Board of Directors of a public company must satisfy the following requirements:

a. There must be at least one (01) non-executive member in case the company has from three (03) to five (05) members of the Board of Directors;

b. There must be at least two (02) non-executive members in case the company has from six (06) to eight (08) members of the Board of Directors;

c. There must be at least three (03) non-executive members in case the company has from nine (09) to eleven (11) members of the Board of Directors.

Article 27. Rights and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company, having full authority in the name of the Company to decide and exercise the rights and obligations of the Company, except for those falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. The rights and obligations of the Board of Directors are prescribed by law, the Company's Charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following rights and obligations:

a. To decide on the Company's strategies, medium-term development plans, and annual business plans;

b. To propose the types and total number of shares of each type to be offered;

c. To decide on the sale of unsold shares within the number of shares authorized to be offered for each type; to decide on raising additional capital in other forms;

d. To decide on the selling price of shares and bonds of the Company;

e. To decide on share repurchase in accordance with Clauses 1 and 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

f. To decide on investment plans and projects within its authority and limits as prescribed by law;

g. To decide on solutions for market development, marketing, and technology;

h. To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending, and other contracts and transactions with a value of thirty-five percent (35%) or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, except for contracts and transactions falling under the authority of the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point d, Clause 2, Article 138 and Clause 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

i. To elect, dismiss, and remove the Chairman of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign and terminate contracts with the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, heads of professional departments, and directors of affiliated units; to appoint authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders in other companies; and to decide their remuneration and other benefits;

j. To supervise and direct the General Director and other managers in the daily business operations of the Company;

k. To decide on the organizational structure and internal management regulations of the Company; to decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, and on capital contribution or share acquisition in other enterprises;

l. To approve the agenda and contents of documents for the General Meeting of Shareholders; to convene meetings of the General Meeting of Shareholders or collect written opinions for passing resolutions;

m. To submit audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

n. To propose dividend levels; to decide on the timing and procedures for dividend payment or handling of business losses;

o. To propose the reorganization or dissolution of the Company; to request the bankruptcy of the Company;

p. To decide on private placements of bonds, including types, total value, and timing of issuance, except as provided in Point a, Clause 1, Article 130 of the Law on Enterprises, and to report to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting;

q. To decide on the issuance of the Board of Directors' operating regulations and internal corporate governance regulations after approval by the General Meeting of Shareholders; to issue regulations on the operation of the Audit Committee under the Board of Directors and regulations on information disclosure of the Company;

r. To resolve complaints of the Company against executive officers and decide on representatives of the Company to handle legal procedures related to such persons;

s. To propose the issuance of convertible bonds and bonds with warrants;

t. To decide on offering prices of shares and bonds when authorized by the General Meeting of Shareholders;

u. To report to the General Meeting of Shareholders on the appointment of the General Director;

v. To determine operational objectives based on strategic objectives approved by the General Meeting of Shareholders;

w. Other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises, relevant laws, and the Company's internal governance regulations.

3. The following matters must be approved by the Board of Directors:

a. Establishment of branches or representative offices of the Company;

b. Establishment of subsidiaries of the Company;

c. Within the scope prescribed in Clause 2, Article 153 of the Law on Enterprises and except for cases requiring approval by the General Meeting of Shareholders under Clause 2, Article 138 and Clause 3, Article 167 of the Law on Enterprises, to decide on the execution, amendment, and termination of contracts of the Company;

d. Appointment and dismissal of persons authorized by the Company to act as its commercial representatives and lawyers;

e. Borrowings and the implementation of mortgages, guarantees, indemnities, and other security obligations of the Company;

f. Purchase or sale of shares or capital contributions in other companies established in Vietnam or abroad;

g. Valuation of non-cash contributed assets in share or bond issuance, including gold, land use rights, intellectual property rights, technology, and technical know-how;

h. Repurchase or redemption of not more than ten percent (10%) of the total number of shares of each type already offered within twelve (12) months;

i. Determination of repurchase or redemption prices of the Company's shares;

j. Business matters or transactions that the Board deems require its approval within its authority and responsibility.

4. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the operational results of the Board of Directors in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities and Decree No. 245/2025/ND-CP amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/ND-CP.
5. The Board of Directors may authorize subordinate employees and other executives to act on behalf of the Board of Directors in handling the affairs of the Company.

Article 28. Remuneration, Salaries and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. The Company has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and performance.
2. Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and bonuses. Remuneration is calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of each member and the daily remuneration rate. The Board of Directors shall determine the remuneration for each member based on the principle of consensus. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors shall be decided by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.
3. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be recorded as a business expense of the Company in accordance with corporate income tax regulations, presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.
4. Members of the Board of Directors holding executive positions, or members serving on committees of the Board of Directors or performing tasks beyond the normal scope of duties of a Board member, may be paid additional remuneration in the form of lump-sum payments per assignment, salary, commission, profit percentage, or other forms as decided by the Board of Directors.
5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement of all travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred in performing their duties, including expenses arising from attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or its committees.
6. Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company upon approval by the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of law or the Company's Charter.

Article 29. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors is elected, dismissed, or removed from office by the Board of Directors from among its members . The Chairman is elected from among the Board members according to the principle that each Board member has one vote; the person with the

highest number of votes becomes the Chairman of the Board. In the event that more than one person has the same highest number of votes, a re-election will be held according to the same principle, only among those with the highest number of votes.

2. The Chairman of the Board of Directors has the following rights and obligations:

a. To formulate the agenda and operational plans of the Board of Directors;

b. To prepare the agenda, contents, and documents for meetings; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

c. To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d. To supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

e. To chair meetings of the General Meeting of Shareholders;

f. To ensure that the Board of Directors submits annual financial statements, reports on the Company's operations, audit reports, and reports of the Board of Directors to shareholders at the General Meeting of Shareholders;

g. To sign resolutions, decisions, and other documents, or approve documents within the authority of the Board of Directors; any authorization for other Board members to sign on behalf must be made in writing;

h. Other rights and obligations as prescribed by law and the Company's Charter.

3. In the event that the Chairman is absent or unable to perform his/her duties, he/she must authorize in writing another member to exercise the rights and obligations of the Chairman in accordance with the Company's Charter. In the absence of such authorization, or where the Chairman dies, is missing, is detained, is serving a prison sentence, is subject to compulsory administrative measures at a rehabilitation or compulsory education institution, absconds from the place of residence, has limited or lost legal capacity, has difficulties in cognition or behavior control, or is prohibited by a court from holding positions, practicing a profession, or performing certain work, the remaining members shall elect one among themselves as Chairman based on the majority vote of the remaining members until a new decision of the Board of Directors is issued.

4. The Chairman of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of General Director.

5. In the event that the Chairman resigns or is dismissed or removed, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of receipt of the resignation or the decision on dismissal or removal.

Article 30. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the date of completion of the election of the Board. This meeting shall be convened and chaired by the member who receives the highest number or highest percentage of votes. In the event that more than one member obtains an equal highest number or percentage of votes, the members shall elect, by majority vote, one (01) among them to convene the meeting of the Board of Directors.

2. The Board of Directors shall meet at least once every quarter and may hold extraordinary meetings. Meetings may be held at the Company's head office or at another location.

3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

a. At the request of an independent member of the Board of Directors;

b. At the request of the General Director or at least five (05) other managers;

c. At the request of at least two (02) members of the Board of Directors;

d. Other cases as prescribed by the Company's Charter or internal corporate governance regulations.

4. Requests specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, matters to be discussed, and decisions falling within the authority of the Board of Directors.

5. The Chairman must convene a Board meeting within seven (07) working days from the date of receipt of such request. If the Chairman fails to convene the meeting, he/she shall be liable for any damage incurred by the Company; the requesting person(s) shall have the right to convene the meeting in place of the Chairman.

6. Meetings of the Board of Directors shall be held at the Company's head office or at another location in Vietnam or abroad as decided by the Chairman and with the consent of the Board of Directors.

7. The Chairman or the person convening the meeting must send a notice of invitation at least three (03) working days prior to the meeting date. The notice must specify the time, venue, agenda, matters for discussion, and decisions. The notice must be accompanied by meeting materials and voting ballots for members.

The notice may be sent by invitation letter, telephone, fax, electronic means, or other methods as prescribed in the Company's Charter, ensuring delivery to the registered contact address of each Board member.

8. The Chairman or the convener shall send the notice and accompanying documents to the General Director in the same manner as to Board members.

The General Director has the right to attend and discuss at Board meetings but does not have voting rights.

9. A meeting of the Board of Directors shall be conducted when at least three-quarters (3/4) of the total number of members attend in person or through authorized representatives, if approved by the majority of Board members.

If the first meeting does not meet the quorum, a second meeting must be convened within seven (07) days from the scheduled date of the first meeting. The second meeting shall be conducted if more than one-half (1/2) of the members attend.

10. With the approval of the Chairman, Board meetings may be conducted via teleconference among members located in different places, provided that each participating member can:

a. Hear every other member speaking during the meeting;

b. Speak to all other participants simultaneously. Discussions may take place directly by telephone or other communication means, or a combination thereof. Members participating in such meetings shall be deemed "present" at the meeting. The meeting location shall be deemed to be the place where the largest number of Board members are present or where the Chairman is present.

Decisions adopted at such meetings shall be valid immediately upon the conclusion of the meeting.

11. The Board of Directors shall adopt decisions and pass resolutions based on the approval of members attending the meeting. In case of a tie, the Chairman's vote shall be decisive.

Resolutions adopted by written consultation shall be approved if more than half of the members with voting rights agree. Such resolutions shall have the same validity as those adopted at a meeting.

12. Where voting ballots are sent to the meeting by mail, they must be enclosed in sealed envelopes and delivered to the Chairman no later than one (01) hour before the opening of the meeting. Ballots shall only be opened in the presence of all attendees.

13. A Board member shall be deemed to attend and vote at a meeting if he/she:

a. Attends and votes in person;

b. Authorizes another person to attend and vote in accordance with Clause 12 of this Article;

c. Attends and votes via teleconference, electronic voting, or other electronic means;

d. Sends voting ballots by mail, fax, or email;

e. Sends voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

14. Members must attend all Board meetings. A member may authorize another person to attend and vote on his/her behalf if approved by more than half of the Board members.

15. Voting:

a. Except as provided in Point b of this Clause, each Board member or authorized representative attending in person has one (01) vote;

b. A Board member shall not vote on contracts, transactions, or proposals in which he/she or a related person has an interest that conflicts or may conflict with the interests of the Company;

c. Where an issue arises relating to the interests or voting rights of a Board member and such member does not voluntarily abstain, the Chairman's decision shall be final, unless the nature or scope of such interest has not been fully disclosed;

d. A Board member benefiting from a contract as specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises shall be deemed to have a material interest in that contract.

16. A Board member who directly or indirectly benefits from a contract or transaction already entered into or to be entered into with the Company, and who is aware of such interest, must disclose such interest at the first Board meeting discussing that contract or transaction. If the member becomes aware of such interest after the contract or transaction has been entered into, he/she must disclose it at the first Board meeting held thereafter.

17. Minutes of Board meetings:

All meetings of the Board must be recorded in the minutes book. Minutes shall be prepared in Vietnamese and may also be prepared in a foreign language; both versions have equal legal validity, but in case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail. The minutes must include the following principal contents:

a. Name, head office address, number and date of issuance of the Business Registration Certificate, and place of registration;

b. Purpose, agenda, and contents of the meeting;

c. Time and venue of the meeting;

d. Full names of attending members or their authorized representatives; names of absent members and reasons for absence;

d. Matters discussed and voted on;

e. Summary of opinions expressed by each attending member in chronological order;

g. Voting results, clearly indicating votes for, against, and abstentions;

h. Decisions adopted;

i. Full name and signature of the chairperson and the minute taker, except where the chairperson and the minute taker refuse to sign the meeting minutes; provided that such minutes are signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all contents prescribed in Points a, b, c, d, e, f, g and h of this Clause, such minutes shall remain valid. The meeting minutes must clearly state the refusal of the chairperson and the minute taker to sign the meeting minutes. Persons signing the meeting minutes shall bear joint responsibility for the accuracy and truthfulness of the contents of the minutes of the Board of Directors meeting. The chairperson and the minute taker shall bear personal responsibility for any damage caused to the enterprise due to their refusal to sign the meeting minutes in accordance with the provisions of this Law, the Company Charter and relevant laws.

The Chairman and the secretary shall be responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes.

Minutes of Board meetings and related documents must be kept at the Company's head office.

Article 31. Committees under the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subordinate committees to be in charge of development policy, personnel, remuneration, internal audit, risk management, and other matters. The number of members of each committee shall be decided by the Board of Directors and may include members of the Board and external members. Independent members and/or non-executive members of the Board of Directors should constitute a majority of the committee, and one of them shall be appointed as the head of the committee as decided by the Board of Directors. The operation of each committee must comply with the regulations of the Board of Directors. Resolutions of a committee shall only be valid if approved by a majority of members attending and voting at the committee meeting.

In cases where personnel and remuneration committees are not established, the Board of Directors may assign independent Board members to assist the Board in personnel and remuneration matters.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors, its subordinate committees, or any person acting in the capacity of a committee member must comply with applicable laws, the Company's Charter, and the internal corporate governance regulations.

Article 32. Person in charge of corporate governance

1. The Company's Board of Directors must appoint at least one (01) person in charge of corporate governance to support corporate governance work at the enterprise. The person in charge of corporate governance may also serve as the Company Secretary as prescribed in Clause 5, Article 156 of the Enterprise Law.

2. The person in charge of corporate governance must meet the following standards:

a. Possesses knowledge of the law;

b. They are not permitted to simultaneously work for an approved auditing firm that is auditing the Company's financial statements;

c. Other standards as prescribed by law, this Charter, and decisions of the Board of Directors.

3. The Board of Directors may dismiss the Head of Corporate Governance when necessary, provided that such dismissal does not violate applicable labor laws.

4. The person in charge of corporate governance has the following rights and responsibilities:

a. Advising the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and on related matters between the Company and shareholders;

b. Prepare for Board of Directors meetings and General Shareholders' Meetings as requested by the Board of Directors;

c. Providing advice on meeting procedures;

d. Attend meetings;

e. Advising on procedures for drafting resolutions of the Board of Directors in accordance with legal regulations;

f. Provide financial information, copies of Board of Directors meeting minutes, and other information to Board members;

g. Monitor and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;

h. To serve as the point of contact with relevant stakeholders;

i. Maintain confidentiality of information in accordance with legal regulations and the company's charter;

j. Other rights and obligations as prescribed by law and the company's charter.

5. The company secretary has the following rights and responsibilities:

a. Assisting in organizing and convening General Meetings of Shareholders and Board of Directors; recording meeting minutes;

b. To assist members of the Board of Directors in exercising their assigned rights and obligations;

c. Assisting the Board of Directors in applying and implementing corporate governance principles;

d. Assisting the company in building shareholder relations and protecting the legitimate rights and interests of shareholders;

d. Assisting the company in complying with its obligations regarding information provision, information disclosure, and administrative procedures;

e. Other rights and obligations as prescribed by law

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 33. Management Structure

1. The management system of the Company must ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and is subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the day-to-day business operations of the Company. The Company shall have a General Director, Deputy General Directors, a Chief Accountant, and other managerial positions

appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal, and removal of the aforementioned positions must be approved by resolutions or decisions of the Board of Directors.

2. The supporting structure for the General Director includes: Deputy General Directors and professional departments/divisions.

The Board of Directors shall decide on the establishment or dissolution of professional departments/divisions based on the operational needs of the Company.

Article 34. Executives

1. Upon the proposal of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other executives in such number and with such qualifications as are appropriate to the organizational structure and internal management regulations of the Company as determined by the Board of Directors. Executives shall be responsible for supporting the Company in achieving its operational and organizational objectives.

2. Remuneration, salary, benefits, and other terms of the employment contract of the General Director shall be decided by the Board of Directors. Employment contracts of other executives shall be decided by the Board of Directors after consultation with the General Director.

3. The General Director shall receive salary and bonuses. Such salary and bonuses shall be determined by the Board of Directors.

4. Salaries of executives shall be recorded as operating expenses of the Company in accordance with laws on corporate income tax, separately presented in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

Article 35. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director

1. The Board of Directors shall appoint one (01) member of the Board of Directors or hire another person to act as the General Director;

2. The General Director is the person who manages the day-to-day business operations of the Company; is subject to the supervision of the Board of Directors; and is responsible to the Board of Directors and before the law for the performance of assigned rights and obligations.

3. The term of office of the General Director shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms. The appointment may expire based on the provisions of the labor contract. The General Director must not be a person prohibited by law from holding this position and must meet the standards and conditions as prescribed by law and the company's charter .

4. Standards and qualifications for the Company's General Director:

- Possess full legal capacity and not be subject to any prohibitions on managing businesses as stipulated in the Enterprise Law and current legislation.
- Possess professional qualifications and practical experience in the Company's core business area.
- Other standards as decided by the Board of Directors

5. The Board of Directors may dismiss the CEO when a majority of the Board members with voting rights present at the meeting approve and appoint a new CEO to replace him.

The General Director may be dismissed, removed from office, or have their contract terminated prematurely if they violate any of the following regulations:

- Dishonesty in the performance of duties and responsibilities, or abuse of position and authority for personal gain or the benefit of others;
- The report provided a false account of the company's financial situation.
- Other actions that harm the reputation and interests of the Company;
- Other cases will be decided by the General Meeting of Shareholders.

6. The General Director has the following rights and responsibilities:

a. To make decisions on matters relating to the company's day-to-day business operations without requiring a decision from the Board of Directors, including signing financial and commercial contracts on behalf of the Company, and organizing and managing the Company's day-to-day business operations in accordance with best management practices;

b. To organize the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders, as well as the business plan and investment plan of the Company that have been approved by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

c. To propose to the Board of Directors a plan for the organizational structure and internal management regulations of the Company;

d. Appointing, dismissing, and removing management positions within the Company, except for positions under the authority of the Board of Directors;

e. Deciding on salaries and allowances (if any) for employees in the company, including managers appointed by the General Director;

f. Recruitment of employees;

g. Propose a plan for paying dividends or handling business losses;

h. Deciding on matters outside the authority of the Board of Directors, including signing financial and commercial contracts on behalf of the Company, organizing and managing the Company's day-to-day business operations in accordance with best management practices;

i. Propose the number and type of business managers that the Company needs to recruit for the Board of Directors to appoint or dismiss in accordance with internal regulations, and propose remuneration, salaries, and other benefits for business managers for the Board of Directors to decide;

j. Propose measures to improve the company's operations and management;

k. Consult with the Board of Directors to decide on the number of employees, their appointments, dismissals, salaries, allowances, benefits, and other terms related to their employment contracts;

l. Annually, submit to the Board of Directors for approval the detailed business plan for the following fiscal year, based on meeting the requirements of the relevant budget as well as the 5 (five) year financial plan;

m. Prepare the Company's long-term, annual, and quarterly budgets (hereinafter referred to as budgets) to support the Company's long-term, annual, and quarterly management activities in accordance with the business plan.

n. The General Director is accountable to the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders for the performance of assigned duties and powers and must report to higher authorities when requested.

l. Other rights and obligations as prescribed by law, this Charter, the Company's internal regulations, resolutions of the Board of Directors, and employment contracts signed with the Company .

7. The General Director must manage the day-to-day business operations of the Company in accordance with the law, the Company's Charter, the labor contract signed with the Company, and decisions of the Board of Directors. In case of acting in violation of these provisions causing damage to the Company, the General Director shall be liable before the law and must compensate the Company for such damage.

IX. AUDIT COMMITTEE

Article 36. Organizational Structure

1. The Audit Committee is a specialized body under the Board of Directors. The Audit Committee shall have at least two (02) members.

2. The Chairman of the Audit Committee must be an independent member of the Board of Directors. Other members of the Audit Committee must be non-executive members of the Board of Directors.

3. Members of the Audit Committee must have knowledge of accounting and auditing, have general understanding of law and the Company's operations, and must not fall into the following cases:

a) Working in the accounting and finance department of a company;
b) Being a member or employee of an auditing firm approved to audit the company's financial statements for the three consecutive years preceding the audit.

4. The Chairman of the Audit Committee must hold a university degree or higher in one of the following fields: economics, finance, accounting, auditing, law, or business administration, and must have certain understanding related to the Company's business activities.

5. The appointment of the Chairman of the Audit Committee and other members of the Audit Committee must be approved by the Board of Directors at a Board meeting.

Article 37. Rights and obligations of the Audit Committee:

1. Supervise the integrity of the Company's financial statements and official disclosures relating to the Company's financial results;

2. Review the internal control system and risk management;

3. Review transactions with related persons under the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders and make recommendations on transactions requiring approval by the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders;

4. Supervise the Company's internal audit function;

5. Recommend the independent auditing firm, audit fees and related terms in the audit contract for the Board of Directors to approve prior to submission to the Annual General Meeting of Shareholders for approval;

6. Monitor and evaluate the independence and objectivity of the auditing firm and the effectiveness of the audit process, especially in cases where the Company uses non-audit services of the auditor;

7. Supervise to ensure that the Company complies with laws, requirements of regulatory authorities, and other internal regulations of the Company;

8. Use external legal, accounting or other advisory services when necessary;

9. Prepare written reports to the Board of Directors upon detecting that members of the Board of Directors, the General Director, and the Chief Accountant fail to fully perform their responsibilities in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter;

10. Develop the operating regulations of the Audit Committee and submit them to the Board of Directors for approval.

Article 38. Audit Committee Meeting:

1. The Audit Committee must hold meetings at least once every quarter and such meetings shall be specifically regulated in the operating regulations of the Audit Committee.
2. The Audit Committee shall pass decisions by voting at meetings, by collecting written opinions, or by other forms as prescribed by the Company's Charter or the operating regulations of the Audit Committee.
3. Each member of the Audit Committee shall have one vote. Unless otherwise provided by the Company's Charter or the operating regulations of the Audit Committee with a higher voting threshold, decisions of the Audit Committee shall be passed if approved by a majority of members attending the meeting; in case of a tie, the final decision shall follow the opinion of the Chairman of the Audit Committee.

Article 39. Report on activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders.

1. Independent members of the Board of Directors in the Audit Committee are responsible for reporting their activities at the Annual General Meeting of Shareholders.

2. The report on activities of independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders must include the following contents:

a) Remuneration, operating expenses and other benefits of the Audit Committee and each member of the Audit Committee in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter;

b) Summary of meetings of the Audit Committee and its conclusions and recommendations;

c) Results of supervision of the Company's financial statements, operational performance and financial status;

d) Report evaluating transactions between the Company, its subsidiaries, and companies in which the public company holds more than 50% of charter capital, with members of the Board of Directors, the General Director, other executives of the enterprise and their related persons; transactions between the Company and companies in which members of the Board of Directors, the General Director, or other executives are founding members or have acted as managers within three (03) years prior to the time of the transaction;

đ) Results of evaluation of the Company's internal control system and risk management;

e) Results of supervision of the Board of Directors, the General Director and other executives of the enterprise;

g) Results of evaluation of coordination between the Audit Committee and the Board of Directors, the General Director and shareholders.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 42. Responsibility for care

Members of the Board of Directors, the General Director and other executives shall perform their duties, including those performed in their capacity as members of subcommittees of the Board of Directors, honestly and prudently for the best interests of the Company.

Article 43. Duty of loyalty and avoidance of conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors, the General Director and other managers must disclose their related interests in accordance with Article 164 of the Law on Enterprises and relevant legal documents as follows:

a. The Company must compile and update the list of related persons of the Company in accordance with Clause 23 Article 4 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, Clause 46 Article 4 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14, and their corresponding contracts and transactions with the Company;

b. Members of the Board of Directors, the General Director, and other managers of the company must declare to the company their related interests, including:

Name, enterprise code, head office address, business lines of enterprises in which they are owners or hold capital contributions or shares; the ownership ratio and the time of such ownership;

Name, enterprise code, head office address, business lines of enterprises in which their related persons are owners, co-owners or separately own capital contributions or shares of more than ten percent (10%) of charter capital;

c. The declaration specified in Clause 1(b) of this Article must be made within seven (07) working days from the date the related interest arises; any amendment or supplementation must be notified to the Company within seven (07) working days from the date of such amendment or supplementation; if the declaration obligation is violated, contracts to be entered into in the future between the Company and the related enterprises mentioned above shall be deemed invalid unless otherwise decided by the Board of Directors;

d. The storage, disclosure, review, extraction and copying of the list of related persons and declared related interests specified in Points a and b of this Clause shall be carried out as follows:

- The Company must notify the list of related persons and related interests to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting;
- The list of related persons and related interests shall be kept at the head office of the enterprise; where necessary, part or all of such list may be kept at branches of the Company;
- Shareholders, authorized representatives of shareholders, members of the Board of Directors, the General Director and other managers have the right to review, extract and copy part or all of the declared contents;
- The Company must facilitate the persons specified at this point to access, review, extract and copy the list of related persons and related interests in the fastest and most convenient manner; it must not obstruct or cause difficulties to them in exercising this right. The order and procedures for reviewing, extracting and copying such declarations shall comply with the Charter of the Company;

e. Members of the Board of Directors and the General Director, whether acting in their own name or on behalf of others to perform work in any form within the scope of the Company's business, must disclose the nature and content of such work to the Board of Directors and may only perform such work upon approval by the majority of the remaining members of the Board of Directors; if performed without disclosure or without approval, all income derived from such activities shall belong to the Company.

2. Members of the Board of Directors, the General Director, other managers and their related persons may only use information obtained by virtue of their position for the benefit of the Company.

3. Members of the Board of Directors, the General Director and other managers are obliged to notify in writing the Board of Directors of transactions between the Company, its subsidiaries, and other companies in which the Company holds more than fifty percent (50%) of the charter capital, with such persons or their related persons in accordance with the law. For such transactions approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on such resolutions in accordance with securities laws on information disclosure.

4. Members of the Board of Directors shall not vote on transactions that bring benefits to themselves or their related persons in accordance with the Law on Enterprises and the Charter of the Company.

5. Members of the Board of Directors, the General Director, other managers and their related persons must not use or disclose to others internal information to carry out related transactions.

6. Contracts or transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, the General Director, other executives and their related individuals or organizations shall not be invalidated in the following cases:

a. In respect of transactions having a value less than or equal to thirty-five percent (35%) of the total asset value or transactions resulting in the aggregate transaction value arising within twelve (12) months from the date of execution of the first transaction reaching thirty-five percent (35%) or more of the total asset value recorded in the latest financial statements, the material contents of such contracts or transactions as well as the relationships and interests of members of the Board of Directors, the General Director and other executives must have been reported to the Board of Directors and approved by the Board of Directors by a majority vote of the members of the Board of Directors having no related interests;

b. In respect of transactions having a value greater than thirty-five percent (35%) of the total asset value or transactions resulting in the aggregate transaction value arising within twelve (12) months from the date of execution of the first transaction reaching thirty-five percent (35%) or more of the total asset value recorded in the latest financial statements, the material contents of such contracts or transactions as well as the relationships and interests of members of the Board of Directors, the General Director and other executives must have been disclosed to shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders by votes of shareholders having no related interests;

7. Members of the Board of Directors and the General Director must report to the Board of Directors in the following cases:

- Transactions between the Company and enterprises in which the above-mentioned persons are founding members or members of the Board of Directors or the General Director within the three (03) most recent years prior to the time of the transaction;

- Transactions between the Company and enterprises in which related persons of the above-mentioned persons are members of the Board of Directors, the General Director or major shareholders.

Article 44. Liability for Damages and Indemnification

1. Members of the Board of Directors, the General Director and other executives who breach their obligations and duties of loyalty and care, or fail to properly perform their duties, shall be liable for any damages caused by their violations.

2. The Company shall indemnify persons who have been, are, or may become a party to claims, lawsuits or prosecutions (including civil and administrative cases and cases not initiated by the Company) if such person has been or is a member of the Board of Directors, the General Director, other executives, employees or authorized representatives of the Company, who has performed or is performing duties as authorized by the Company, acted honestly and prudently for the benefit of the Company, in compliance with the law, and there is no evidence confirming that such person has breached his/her responsibilities.

3. Indemnification expenses include judgment costs, fines, and actual payable amounts incurred (including attorneys' fees) in resolving such matters within the scope permitted by law. The Company may purchase insurance for such persons to mitigate the above indemnification liabilities.

XI. RIGHTS TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Article 45. Rights to inspect books and records

1. Ordinary shareholders shall have the right to inspect books and records as follows:

a. Ordinary shareholders have the right to examine, inspect and extract information on names and contact addresses in the list of shareholders with voting rights; request correction of their inaccurate information; examine, inspect, extract or copy the Charter of the Company, minutes of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

b. A shareholder or group of shareholders holding five percent (05%) or more of the total ordinary shares shall have the right to examine, inspect and extract minutes books and resolutions, decisions of the Board of Directors, mid-year and annual financial statements, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors, and other documents, except for documents relating to trade secrets and business secrets of the Company.

2. In case an authorized representative of a shareholder or a group of shareholders requests to inspect books and records, a power of attorney of such shareholder or group of shareholders or a notarized copy thereof must be enclosed.

3. Members of the Board of Directors, the General Director and other executives shall have the right to inspect the Company's register of shareholders, the list of shareholders and other books and records of the Company for purposes related to their positions, provided that such information must be kept confidential.

4. The Company must retain this Charter and its amendments and supplements, the Enterprise Registration Certificate, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, annual financial statements, accounting books and other documents in accordance with the law at its head office or at another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are notified of the location where such documents are kept.

5. The Charter of the Company must be published on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 46. Employees and trade union

1. The General Director must prepare plans for submission to the Board of Directors for approval on matters relating to recruitment, termination of employment, salaries, social insurance, welfare, rewards and discipline applicable to employees and executives of the Company.
2. The General Director must prepare plans for submission to the Board of Directors for approval on matters relating to the Company's relations with trade union organizations in accordance with standards, practices and policies of good governance, as well as the practices and policies stipulated in this Charter, the internal regulations of the Company and applicable laws.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 47. Profit Distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall decide on the dividend payment level and the form of annual dividend payment from the retained earnings of the Company.
2. The Company shall not pay interest on any dividend amount or any amount payable relating to a class of shares.
3. The Board of Directors may propose to the General Meeting of Shareholders for approval the payment of dividends in whole or in part in shares, and the Board of Directors shall be the body responsible for implementing such decision.
4. In case dividends or other amounts relating to a class of shares are paid in cash, the Company must make payment in Vietnamese Dong. Such payment may be made directly or through banks based on bank account details provided by shareholders. In case the Company has made a transfer in accordance with the bank details provided by a shareholder but such shareholder does not receive the money, the Company shall not be liable for the amount transferred to such shareholder. Dividend payment for shares listed or registered for trading on the Stock Exchange may be made through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
5. Based on the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution or decision to determine a specific record date for closing the list of shareholders. Based on such date, persons registered as shareholders or owners of other securities shall be entitled to receive cash or share dividends, notices or other documents.
6. Other matters relating to profit distribution shall be implemented in accordance with the law.

XIV. BANK ACCOUNTS, RESERVES, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGIME

Article 48. Bank Accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or at branches of foreign banks permitted to operate in Vietnam.
2. With prior approval of the competent authority, where necessary, the Company may open bank accounts overseas in accordance with the provisions of law.
3. The Company shall conduct all payments and accounting transactions through its accounts in Vietnamese Dong or foreign currencies at the banks where the Company opens its accounts.

Article 49. Fiscal Year

The fiscal year of the Company shall commence on the first day of January each year and end on the thirty-first (31st) day of December of the same year. The first fiscal year shall commence from the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate and end on the thirty-first (31st)

day of December immediately following the date of issuance of such Enterprise Registration Certificate.

Article 50. Accounting Regime

1. The accounting regime applied by the Company shall be the Vietnamese Accounting Standards (VAS), the enterprise accounting regime, or another specific accounting regime issued by a competent authority and approved by the Ministry of Finance.
2. The Company shall prepare its accounting books in Vietnamese and retain accounting records in accordance with the laws on accounting and relevant laws. Such records must be accurate, updated, systematic, and sufficient to evidence and explain the Company's transactions.
3. The Company shall use Vietnamese Dong as the accounting currency. In case the Company has economic transactions arising mainly in a foreign currency, it may choose such foreign currency as its accounting currency, shall be responsible for such choice before the law, and must notify the directly managing tax authority.

XV. ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENTS AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Article 51. Annual, semi-annual and quarterly financial reports

1. The Company must prepare annual financial statements in accordance with the law as well as the regulations of the State Securities Commission, and such statements must be audited in accordance with Article 53 of this Charter.
2. The annual financial statements must include an income statement reflecting truthfully and objectively the Company's profit/loss for the fiscal year, a statement of financial position reflecting truthfully and objectively the Company's financial condition as at the reporting date, a cash flow statement and notes to the financial statements.
3. The Company must prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the regulations of the State Securities Commission and the Stock Exchange, and submit them to the relevant tax authorities and other competent authorities in accordance with the law.
4. The audited annual financial statements (including the auditor's opinion), the reviewed semi-annual financial statements and the quarterly financial statements must be published on the Company's website.
5. Organizations and individuals concerned shall have the right to inspect or copy the audited annual financial statements, the reviewed semi-annual financial statements and the quarterly financial statements during working hours at the Company's head office and must pay a reasonable fee for copying.

Article 52. Annual Report

The Company must prepare and disclose its Annual Report in accordance with the laws on securities and the securities market.

XVI. COMPANY AUDIT

Article 53. Audit

1. The Annual General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of such firms to audit the Company's financial statements for the following fiscal year based on terms

and conditions agreed with the Board of Directors. The Company must prepare and submit its annual financial statements to the independent auditing firm after the end of the fiscal year.

2. A copy of the audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. The independent auditor conducting the audit of the Company is entitled to attend meetings of the General Meeting of Shareholders, to receive notices and other information relating to such meetings that shareholders are entitled to receive, and to express opinions at the meeting on matters relating to the audit of the Company's financial statements.

XVII. COMPANY SEAL

Article 54. Company seal

1. The seal includes a seal made by a seal engraving service provider or a seal in the form of a digital signature in accordance with the laws on electronic transactions. The Company's seal must be kept and preserved at the head office.

2. The seal is an asset of the Company. The legal representative of the Company shall be responsible for the management and use of the seal in accordance with the law.

3. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form and contents of the seals of the Company, its branches and representative offices (if any) in accordance with government regulations.

4. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with the applicable laws.

XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 55. Dissolution of a company

1. The Company shall be dissolved in the following cases:

a. Upon the expiry of the operation term stated in the Company's Charter without any decision on extension;

b. By decision of the General Meeting of Shareholders;

c. The Company no longer satisfies the minimum number of members or shareholders as prescribed by the Law on Enterprises for a continuous period of six (06) months without carrying out procedures for conversion of the enterprise type;

d. The Enterprise Registration Certificate is revoked.

2. The enterprise shall only be dissolved when all debts and other property obligations have been fully paid.

3. The early dissolution of the Company (including the extended term, if any) shall be decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by the Board of Directors. Such dissolution decision must be notified to or approved by the competent authorities (if required) in accordance with regulations.

Article 56. Extension of operation

1. The Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiry of the operation term so that shareholders may vote on the extension of the Company's operation as proposed by the Board of Directors.

2. The operation term shall be extended when it is approved by shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of all attending shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Article 57. Liquidation

1. At least six (06) months prior to the expiry of the Company's operation term or after a decision on dissolution of the Company, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members, of which two (02) members are appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member is appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its own operating regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from the Company's employees or independent experts. All expenses related to liquidation shall be paid by the Company with priority over other debts of the Company.

2. The Liquidation Committee shall be responsible for reporting to the business registration authority on the date of its establishment and the commencement date of its operation. From that time, the Liquidation Committee shall represent the Company in all matters relating to the liquidation of the Company before the Courts and administrative authorities.

3. Proceeds from liquidation shall be distributed in the following order:

a. Liquidation expenses;

b. Salary debts, severance allowances, social insurance and other benefits of employees in accordance with collective labor agreements and signed labor contracts;

c. Tax liabilities;

d. Other debts of the Company;

e. The remaining amount after payment of all debts from items (a) to (d) above shall be distributed to shareholders. Preferred shares shall be paid first.

XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Article 58. Resolution of internal disputes

1. In the event that disputes or complaints arise relating to the operation of the Company, or the rights and obligations of shareholders in accordance with the Law on Enterprises, the Company's Charter, other legal regulations or agreements between:

a. Shareholders and the Company;

b. Shareholders and the Board of Directors, the General Director or other executives;

2. The relevant parties shall endeavor to resolve such disputes through negotiation and conciliation. Except for disputes relating to the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, the Chairman of the Board of Directors shall preside over the resolution of disputes and request each party to present information relating to the dispute within five (05) working days from the date the dispute arises. In cases where the dispute relates to the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, any party may request the appointment of an independent expert to act as a mediator for the dispute resolution process.

3. In the event that no conciliation decision is reached within six (06) weeks from the commencement of the conciliation process, or if the mediator's decision is not accepted by the parties, either party may refer the dispute to Economic Arbitration or the Court.

XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENT OF THE CHARTER

Article 59. Company Charter

1. Any amendment or supplement to this Charter must be considered and decided by the General Meeting of Shareholders.

2. In cases where the law provides regulations relating to the operation of the Company that have not yet been specified in this Charter, or where there are new legal provisions different from those stipulated in this Charter, such legal provisions shall automatically apply and govern the operation of the Company.

XXI. IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 60: Implementation provisions

1. This Charter consists of 21 Chapters and 60 Articles and was unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint Stock Company under Resolution No. 02/NQ-DP-DHDCD dated 25 April 2026 and authorizes the Chairman of the Board of Directors to promulgate it under Decision No. 48/QD-DP-CT dated 15 May 2026.

2. This Charter replaces the Charter approved on 25 March 2026.

3. This Charter is made in two (02) original copies of equal validity and shall be kept at the head office of the Company.

4. This Charter is the sole and official Charter of the Company.

5. Copies or extracts of the Company's Charter shall be valid when bearing the signature of the Chairman of the Board of Directors or at least one half (1/2) of the total number of members of the Board of Directors.

LEGAL REPRESENTATIVE **GENERAL MANAGER**	**ON BEHALF OF THE** **GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS** **CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**
(Signed)	*(Signed and sealed)*
Tran Anh Tuan	**Luong Minh Tuan**

APPENDIX 01

DETAILS OF SHAREHOLDING RATIO AND NUMBER OF SHARES HELD BY CURRENT FOUNDING SHAREHOLDERS

No.	Name of Organization/Individual	Permanent Address	Current Address	Personal Legal Document No.	Number of Shares Held	Ownership Ratio
1	LUONG MINH TUAN	No. 49, Alley 61/17 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi	No. 49, Alley 61/17 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi	001070002520	16,069,851	15.94%
2	LUONG TUAN MINH	Xom Noi Hamlet, Hop Dong Commune, Chuong My District, Hanoi	Xom Noi Hamlet, Hop Dong Commune, Chuong My District, Hanoi	001061007782	2,340,599	2.32%
3	PHAM VAN DICH	No. 49, Tran Hung Dao Street, De Tham Ward, Thai Binh City, Thai Binh Province	Group 36, Alley 850, Lang Street, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Hanoi	No. 150009317 issued by Thai Binh Provincial Police on May 20, 2004	Fully transferred	0%
4	TRAN THI HA	20C, Extended Hoang Van Thu Street, Iarking Ward, Pleiku City, Gia Lai Province	20C, Extended Hoang Van Thu Street, Iarking Ward, Pleiku City, Gia Lai Province	No. 230002989 issued by Gia Lai Provincial Police on June 02, 1990	Fully transferred	0%
5	NGUYEN THI CHINH	No. 6, Group 1, Vinh Phuc 1, Cong Vi Ward, Ba Dinh District, Hanoi	No. 594, Buoi Street, Cong Vi Ward, Ba Dinh District, Hanoi	No. 010029170 issued by Hanoi Police on June 29, 2000	Fully transferred	0%

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----***-----

TRANSLATION

REGULATIONS ON THE OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS

DAT PHUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

(Promulgated together with the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ dated April 25, 2026)

INDEX

CHAPTER I. GENERAL PROVISIONS 3

Article 1. Scope of regulation and subjects of application 3

Article 2. Legal liability of the Board of Directors 3

Article 3. Operating principles of the Board of Directors 3

CHAPTER II. MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS 4

Article 4. Rights and responsibilities of members of the Board of Directors 4

Article 5. Term and number of members of the Board of Directors 4

Article 6. Right to be provided with information of members of the Board of Directors 4

Article 7. Standards and conditions for members of the Board of Directors 4

Article 8. Chairman of the Board of Directors 6

Article 9. Removal, dismissal and supplementation of members of the Board of Directors 7

Article 10. Methods for election, dismissal and removal of members of the Board of Directors 8

Article 11. Notification of election, dismissal and removal of members of the Board of Directors 8

CHAPTER III. BOARD OF DIRECTORS 9

Article 12. Rights and obligations of the Board of Directors 9

Article 13. Duties and powers of the Board of Directors in approving and executing contracts and transactions. 10

Article 14. Responsibilities of the Board of Directors in convening extraordinary General Meetings of Shareholders 11

Article 15. Subcommittees assist the Board of Directors. 12

CHAPTER IV. MEETINGS OF THE BOARD OF DIRECTORS 12

Article 16. Meetings of the Board of Directors 12

Article 17. Minutes of meetings of the Board of Directors 12

CHAPTER V. REPORT AND DISCLOSURE OF INTERESTS 13

Article 18. Submit annual reports 13

Article 19. Remuneration, salary and other benefits of members of the Board of Directors 13

Article 20. Disclosure of related interests 13

CHAPTER VI. RELATIONSHIP OF THE BOARD OF DIRECTORS 15

Article 21. The relationship between the members of the Board of Directors 15

Article 22. Relationship with the Executive Board 15
Article 23. Relationship with the Audit Committee 15
CHAPTER VII. IMPLEMENTATION PROVISIONS 16
Article 24. Effectiveness 16

- *Pursuant to the 2020 Law on Enterprises and amendments and supplements thereto;*
- *Pursuant to the Charter of Dat Phuong Group Joint Stock Company.*

The General Meeting of Shareholders hereby promulgates the Regulation on Operation of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company.

The Regulation on Operation of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company includes the following contents:

CHAPTER I. GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of regulation and subjects of application

1. Scope of application:

The operating regulations of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company stipulate the organizational structure, operating principles, powers, functions, and duties of the Board of Directors and its members, in order to operate in accordance with the company's charter and other current legal regulations.

2. Subjects of application:

This Regulation shall apply to members of the Board of Directors of Dat Phuong Group Joint Stock Company.

Article 2. Legal liability of the Board of Directors

In performing its functions, powers and duties, the Board of Directors shall comply with the provisions of law, the Charter and resolutions of the General Meeting of Shareholders and shall bear responsibility in accordance with the Law on Enterprises.

Article 3. Operating principles of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall work on the principle of collective decision-making. Members of the Board of Directors shall bear personal responsibility for their assigned duties and jointly bear responsibility before the General Meeting of Shareholders and before the law for resolutions and decisions of the Board of Directors relating to the development of the Company.
2. The Board of Directors shall assign responsibility to the General Director to organize and implement resolutions and decisions of the Board of Directors.

CHAPTER II. MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 4. Rights and responsibilities of members of the Board of Directors

Members of the Board of Directors shall have full rights and responsibilities as stipulated in Article 27 of the Company's Corporate Governance Regulation, the Company Charter and prevailing legal regulations.

Article 5. Term and number of members of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall consist of from 03 to 11 members.
2. The Board of Directors shall have no fewer than 05 (five) members and no more than 11 (eleven) members. The number of members of the Board of Directors must reside in Vietnam. The term of office of members of the Board of Directors shall be 05 (five) years; members of the Board of Directors may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than 02 consecutive terms. The total number of non-executive members of the Board of Directors must account for at least one-third of the total number of members of the Board of Directors.
3. In the event that all members of the Board of Directors simultaneously end their terms of office, such members shall continue to act as members of the Board of Directors until new members are elected to replace them and take over the work, unless otherwise provided in the Company Charter.

Article 6. Right to be provided with information of members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors shall have the right to request the General Director, Deputy General Directors and managers of units within the Company to provide information and documents on the financial status and business operations of the Company and its affiliated units.
2. The requested managers must provide timely, complete and accurate information and documents as requested by members of the Board of Directors. The order and procedures for requesting and providing information shall be stipulated in the Company Charter.

Article 7. Standards and conditions for members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors must meet the standards and conditions stipulated in Clause 1. Clause 2, Article 155 of the Enterprise Law, the company's charter, and the company's internal governance regulations. Specifically as follows:

a. Having full legal capacity and not falling under the categories of individuals prohibited from managing businesses as stipulated in Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;

b. They must possess professional qualifications and experience in the company's business management and are not necessarily shareholders of the company, unless otherwise stipulated in the company's charter;

c. A member of a company's board of directors may also be a member of either the Board of Management or the Board of Members . at no more than five (05) other companies;

2. Non-executive members of the Board of Directors (hereinafter referred to as non-executive members) are members of the Board of Directors who are not the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant, and other executives as stipulated in the company's charter.

3. Independent members of the Board of Directors must meet the following criteria and conditions:

a. Not be a person currently working for the Company, the parent company or a subsidiary of the Company; not have worked for the Company, the parent company or a subsidiary of the Company for at least the preceding 03 consecutive years;

b. Not be a person currently receiving salary or remuneration from the Company, except for allowances to which members of the Board of Directors are entitled in accordance with regulations;

c. Not be a person whose spouse, biological father, adoptive father, biological mother, adoptive mother, biological child, adopted child, sibling is a major shareholder of the Company; or a manager of the Company or a subsidiary of the Company;

d. Not directly or indirectly own at least 01% of the total voting shares of the Company;

e. Not have served as a member of the Board of Directors or Supervisory Board of the Company for at least the preceding 05 consecutive years, except where appointed for two (02) consecutive terms.

f. Independent members of the Board of Directors must notify the Board of Directors when they no longer satisfy the conditions stipulated in Clause 2 of this Article and shall automatically cease to be independent members of the Board of Directors from the date such standards and conditions are no longer satisfied. The Board of Directors must notify the nearest General Meeting of Shareholders or convene a General Meeting of Shareholders to elect additional or replacement independent members of the Board of Directors within 06 months from the date of receiving the notification from the relevant independent member of the Board of Directors.

g. Members of the Board of Directors shall cease to hold membership status of the Board of Directors in the cases stipulated in Clause 6, Article 26 of the Company Charter.

Article 8. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected, dismissed or removed by the Board of Directors from among its members.
2. The Chairman of the Board of Directors must not concurrently hold the position of General Director.
3. The Chairman of the Board of Directors shall have the following rights and obligations:

a. Prepare programs and plans for activities of the Board of Directors;
b. Prepare agendas, contents and documents for meetings; convene, chair and preside over meetings of the Board of Directors;
c. Organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;
d. Supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
e. Preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;
f. Ensure that the Board of Directors sends annual financial statements, reports on the Company's operations, audit reports and reports of the Board of Directors to shareholders at meetings of the General Meeting of Shareholders.
g. The Chairman of the Board of Directors shall sign resolutions, decisions and documents or approve documents within the authority of the Board of Directors; authorization for other members of the Board of Directors to sign on his/her behalf must be made in writing.
h. Other rights and obligations in accordance with this Law and the Company Charter.

4. In the event that the Chairman of the Board of Directors is absent or unable to perform his/her duties, he/she must authorize in writing another member to perform the rights and obligations of the Chairman of the Board of Directors in accordance with the principles stipulated in the Company Charter. In the event that there is no authorized person or the Chairman of the Board of Directors dies, is missing, is detained, serving an imprisonment sentence, subject to administrative handling measures at a compulsory detoxification establishment or compulsory educational institution, absconds from place of residence, has limited or lost legal capacity for civil acts, has difficulties in cognition or behavior control, or is prohibited by the Court from holding positions, practicing professions or performing certain jobs, the remaining members shall elect one among them to hold the position of Chairman of the Board of Directors based on the majority approval of the remaining members until a new decision of the Board of Directors is made.
5. When deemed necessary, the Board of Directors shall decide to recruit a Company Secretary to support the Board of Directors and the Chairman of the Board of Directors in performing duties within their authority in accordance with law and the Company Charter. The Company Secretary shall have the following rights and obligations:

a. Assist in organizing the convening of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; record meeting minutes;
b. Assist members of the Board of Directors in performing assigned rights and obligations;
c. Assist the Board of Directors in applying and implementing corporate governance principles;
d. Assist the Company in developing shareholder relations and protecting lawful rights and interests of shareholders;
e. Assist the Company in complying with obligations relating to information disclosure, transparency and administrative procedures;

6. The Chairman of the Board of Directors may be dismissed by decision of the Board of Directors. In the event that the Chairman of the Board of Directors submits a resignation letter or is dismissed or removed, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of receipt of the resignation letter or the dismissal/removal decision.

Article 9. Removal, dismissal and supplementation of members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors shall be removed or dismissed pursuant to a Resolution of the General Meeting of Shareholders. The removal and dismissal of members of the Board of Directors shall be regulated in Article 33 of the Company's Internal Corporate Governance Regulation, the Company Charter and the Law on Enterprises.
2. The Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders to elect additional members of the Board of Directors in the following cases:

a. The number of remaining members of the Board of Directors is fewer than the minimum number required by law. In this case, the Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors no longer satisfies the prescribed requirements;
b. The number of members of the Board of Directors is reduced by more than one-third compared to the number prescribed in the Company Charter. In this case, the Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within 60 days from the date the number of members is reduced by more than one-third (1/3);
c. The number of independent members of the Board of Directors decreases and no longer ensures the ratio prescribed at Point b, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprises. In this case, the Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date the number

of independent members of the Board of Directors no longer ensures the prescribed ratio.

d. Except for the above cases, the General Meeting of Shareholders shall elect new members to replace members of the Board of Directors who have been dismissed or removed at the nearest meeting.

Article 10. Methods for election, dismissal and removal of members of the Board of Directors.

1. Shareholders or groups of shareholders owning from ten percent (10%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors in accordance with the Company Charter or the Election Regulation approved by the General Meeting of Shareholders.
2. In the event that the number of candidates for the Board of Directors through nomination and self-nomination remains insufficient, the incumbent Board of Directors may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with the mechanism stipulated in the Company's Internal Corporate Governance Regulation. Procedures for the incumbent Board of Directors to introduce candidates for the Board of Directors must be clearly disclosed and approved by the General Meeting of Shareholders before nominations are conducted in accordance with law.
3. Voting for election of members of the Board of Directors may be conducted using the cumulative voting method, whereby each shareholder shall have the total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors, and shareholders may allocate all or part of their votes to one or several candidates. Elected members of the Board of Directors shall be determined based on the number of votes from highest to lowest, starting from the candidate receiving the highest number of votes until the number of members prescribed in the Company Charter is fulfilled. In the event that two (02) or more candidates receive the same number of votes for the final position on the Board of Directors, re-election shall be conducted among candidates with equal votes or selection shall be made according to the criteria of the Election Regulation or the Company Charter.

Article 11. Notification of election, dismissal and removal of members of the Board of Directors

1. In cases where candidates have been identified in advance, information relating to candidates for the Board of Directors shall be included in the meeting documents of the General Meeting of Shareholders and disclosed at least ten (10) days prior to the opening date of the meeting of the General Meeting of Shareholders on the Company's website so that shareholders may learn about such candidates before

voting. Candidates for the Board of Directors must provide written commitments regarding the truthfulness, accuracy and reasonableness of disclosed personal information and commit to performing duties honestly if elected as members of the Board of Directors. Information relating to candidates for the Board of Directors to be disclosed shall include at least the following contents:

a. Full name, date of birth (day, month, year);
b. Educational qualifications;
c. Professional qualifications;
d. Working experience;
e. Companies in which the candidate currently holds positions as member of the Board of Directors or other managerial positions;
f. Assessment report on contributions of the candidate to the Company, in cases where such candidate is currently a member of the Company's Board of Directors;
g. Interests related to the Company (if any);
h. Full name of the shareholder or group of shareholders nominating such candidate (if any);
i. Other information (if any).

2. The Company shall be responsible for disclosing information about companies in which candidates currently hold positions as members of the Board of Directors, other managerial positions and interests related to the Company of candidates for the Board of Directors (if any).
3. The election, appointment, dismissal and removal of members of the Board of Directors must be disclosed in accordance with the regulations of the law on securities and the securities market.

CHAPTER III. BOARD OF DIRECTORS

Article 12. Rights and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the governing body of the company, having full authority to act on behalf of the company to decide and exercise the rights and obligations of the company that do not fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. The Board of Directors has the rights and obligations stipulated in Article 27 of the Company Charter and Clause 2, Article 27 of the Company's Internal Governance Regulations.
3. The Board of Directors shall adopt decisions by voting at meetings, collecting written opinions, or other forms as prescribed by the Company Charter. Each member of the Board of Directors shall have one (01) vote.

4. When performing its functions, rights and obligations, the Board of Directors shall comply with the provisions of law, the Company Charter and resolutions of the General Meeting of Shareholders. In case a resolution adopted by the Board of Directors is contrary to the provisions of law, resolutions of the General Meeting of Shareholders or the Company Charter causing damage to the Company, the members approving such resolution must jointly bear personal liability for such resolution and compensate the Company for damages; members opposing the adoption of the aforesaid resolution shall be exempted from liability. In this case, shareholders owning shares of the Company shall have the right to request the Court to suspend the implementation of or cancel the aforesaid resolution.

Article 13. Duties and powers of the Board of Directors in approving and executing contracts and transactions.

1. To decide on investment, purchase or sale of assets valued at less than 35% of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company.
2. To approve contracts and transactions valued at less than 35% of the total asset value of the enterprise or transactions resulting in the total value of transactions arising within 12 months from the date of implementation of the first transaction valued at less than 35% of the total asset value of the Company recorded in the latest financial statements between the Company and the entities stipulated at Point u Clause 2 Article 15 of the Company Charter.

   In this case, the representative signing the contract on behalf of the Company must notify the members of the Board of Directors of the related parties to such contract or transaction; concurrently enclosing the draft contract or the principal contents of the transaction. The Board of Directors shall decide on the approval of the contract or transaction within 15 days from the date of receipt of the notice, unless the Company Charter prescribes another time limit; members having related interests shall not have the right to vote.
3. To approve contracts, loan agreements, lending agreements, and sale of assets valued at or lower than 10% of the total asset value of the enterprise recorded in the latest financial statements between the Company and shareholders owning 51% or more of the total voting shares or related persons of such shareholders.
4. To approve loan agreements, lending agreements and other contracts and transactions valued at 35% or more of the total asset value recorded in the latest financial statements of the Company, except for contracts entered into with persons stipulated at Point u Clause 2 Article 15 of the Company Charter.

Article 14. Responsibilities of the Board of Directors in convening extraordinary General Meetings of Shareholders.

1. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a. The board of directors deems it necessary for the benefit of the company;

b. The number of remaining members of the Board of Directors and the Audit Committee is less than the number of members stipulated by law;

c. At the request of a shareholder or group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law;

d. As requested by the Audit Committee;

e. Other cases as prescribed by law and the company's charter.

2. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date the remaining number of members of the Board of Directors is fewer than the minimum number prescribed by law or from the date of receipt of the request stipulated at Points c and d Clause 1 of this Article. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date the number of members of the Board of Directors decreases by more than one-third (1/3) compared to the number prescribed in the Company Charter.

3. In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Chairman of the Board of Directors and members of the Board of Directors shall be liable before the law and must compensate the Company for arising damages.

4. The convener must perform the following tasks to organize the General Meeting of Shareholders:

a. Preparing the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than 10 days before the date of sending the invitation notice for the General Meeting of Shareholders;

b. Providing information and resolving complaints related to the list of shareholders;

c. Preparing the agenda and contents of the meeting;

d. Preparing documents for the meeting;

e. Drafting resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the expected contents of the meeting; list and detailed information of candidates in case of election of members of the Board of Directors;

f. Determining the time and venue for holding the meeting;

g. Sending invitation notices to each shareholder entitled to attend the meeting in accordance with the Law on Enterprises;

h. Other tasks serving the meeting.

Article 15. Subcommittees assist the Board of Directors.

From time to time, the Board of Directors may establish or dissolve subcommittees assisting the Board of Directors in accordance with Article 31 of the Company Charter and Article 45 of the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company.

CHAPTER IV. MEETINGS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 16. Meetings of the Board of Directors

Meetings of the Board of Directors are specifically stipulated in Article 30 of the Company Charter and shall comply with the provisions of current laws.

Article 17. Minutes of meetings of the Board of Directors

1. Meetings of the Board of Directors must be recorded in minutes and may be audio-recorded, recorded and stored in other electronic forms in accordance with Article 43 of the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company. The minutes must be made in Vietnamese and may additionally be made in a foreign language, containing the following principal contents:

a. Name, registered office address, business registration number;
b. Time and location of the meeting;
c. Purpose, agenda, and content of the meeting;
d. The full names of each member attending the meeting or their authorized representatives, and the manner of attendance; the full names of members absent from the meeting, and the reasons for absence;
e. Matters discussed and voted on at the meeting;
f. Summary of opinions expressed by each attending member in the chronological order of the meeting proceedings;
g. Voting results clearly stating members voting for, against and abstaining;
h. Matters approved and the corresponding approval voting ratios;
i. Full names and signatures of the Chairperson and the minute taker. In case the Chairperson and the minute taker refuse to sign the meeting minutes, other members of the Board of Directors attending the meeting shall sign the meeting minutes and clearly state that the Chairperson and the minute taker refused to sign the meeting minutes.

2. The chairperson, the minutes recorder, and those who sign the minutes are responsible for the truthfulness and accuracy of the content of the Board of Directors meeting minutes.
3. Minutes of Board of Directors meetings and documents used in those meetings must be kept at the company's head office.

4. Minutes prepared in both Vietnamese and foreign languages have equal validity. In case of discrepancies between the content of the Vietnamese and foreign language minutes, the content of the Vietnamese minutes shall prevail.

CHAPTER V. REPORT AND DISCLOSURE OF INTERESTS

Article 18. Submit annual reports

1. At the end of each fiscal year, the Board of Directors must prepare the following reports and documents for presentation at the annual General Meeting of Shareholders:
   a. Report on business performance of the Company;
   b. Audited financial statements;
   c. Report assessing the management and administration of the Company.
2. The reports and documents prescribed in Clause 1 of this Article must be sent to the Audit Committee for appraisal no later than 30 days before the opening date of the annual General Meeting of Shareholders, unless otherwise prescribed by the Company Charter.
3. The reports and documents prepared by the Board of Directors; appraisal report of the Audit Committee and audit report must be available at the head office and branches of the Company no later than 10 days before the opening date of the annual General Meeting of Shareholders.
4. In addition, reporting on the activities of the Board of Directors at the annual General Meeting of Shareholders is stipulated in Article 25 of the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company.

Article 19. Remuneration, salary and other benefits of members of the Board of Directors

The remuneration, salary and other benefits of members of the Board of Directors are stipulated in Article 28 of the Company Charter.

Article 20. Disclosure of related interests.

The disclosure of interests and related persons of the Company shall be carried out in accordance with the following provisions:

1. The Company must compile and update the list of related persons of the Company in accordance with Clause 23 Article 4 of the Law on Enterprises, Clause 46 Article 4 of the Law on Securities, and their corresponding contracts and transactions with the Company.
2. Members of the Board of Directors of the Company must declare their related interests with the Company, including:

a. Name, enterprise code, address of head office, business lines and trades of enterprises in which they own contributed capital or shares; ratio and time of ownership of such contributed capital or shares;

b. Name, enterprise code, address of head office, business lines and trades of enterprises in which their related persons jointly own or separately own contributed capital or shares accounting for more than 10% of charter capital;

3. The declarations stipulated in Clause 1 of this Article must be made within 7 working days from the date the relevant benefit arises; any amendments or additions must be notified to the company within 7 working days from the date of the corresponding amendments or additions.

4. The retention, disclosure, review, extraction, and copying of the list of related parties and related interests declared in Clauses 1 and 2 of this Article shall be carried out as follows:

   a. The company must notify the General Shareholders' Meeting at its annual meeting of the list of related parties and related interests;

   b. The list of related parties and related interests is kept at the company's head office; if necessary, part or all of the contents of the aforementioned list may be kept at the company's branches.

   c. Shareholders, authorized representatives of shareholders, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers have the right to review, extract, and copy part or all of the contents of the declaration;

   d. The company must facilitate the quickest and most convenient access, review, extraction, and copying of the list of related parties and related interests for the persons specified in point c of this clause; it must not obstruct or hinder them from exercising this right. The procedures for reviewing, extracting, and copying the content of the declaration of related parties and related interests shall be carried out in accordance with the company's charter.

5. Members of the Board of Directors acting in their personal capacity or on behalf of others to perform work in any form within the business scope of the Company must explain the nature and contents of such work before the Board of Directors and may only perform such work upon approval by the majority of the remaining members of the Board of Directors; if such work is performed without declaration or without approval of the Board of Directors, all income derived from such activities shall belong to the Company.

CHAPTER VI. RELATIONSHIP OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 21. The relationship between the members of the Board of Directors

1. The relationship among the members of the Board of Directors is one of collaboration; the members are responsible for informing each other on relevant issues in the process of handling their assigned tasks.
2. During the process of handling work for which a member of the Board of Directors assigned primary responsibility is responsible, if there are issues relating to the field under the responsibility of another member of the Board of Directors requiring such member's opinion, the member of the Board of Directors assigned primary responsibility must proactively coordinate in handling such matters. In case there are differing opinions among members of the Board of Directors, the member assigned primary responsibility shall report to the Chairman of the Board of Directors for consideration and decision within his/her authority or organization of a meeting or collection of opinions from members of the Board of Directors in accordance with the law, the Charter of the Corporation and these Regulations.
3. In case of reassignment among members of the Board of Directors, the members of the Board of Directors must hand over relevant work, files and documents. Such handover must be made in writing and reported to the Chairman of the Board of Directors regarding such handover.

Article 22. Relationship with the Executive Board

In its governance role, the Board of Directors issues resolutions for implementation by the General Director and the executive apparatus. At the same time, the Board of Directors shall inspect and supervise the implementation of such resolutions. The coordination of activities between the Board of Directors and the Executive Board is stipulated in Article 53 of the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company.

Article 23. Relationship with the Audit Committee

1. The relationship between the Board of Directors and the Audit Committee is a coordinating relationship. The working relationship between the Board of Directors and the Audit Committee shall follow the principles of equality and independence, while closely coordinating and mutually supporting each other during the performance of duties.
2. Upon receipt of inspection minutes or summary reports from the Audit Committee, the Board of Directors shall be responsible for studying and directing relevant departments to formulate plans and promptly implement corrective actions.

3. The coordination of activities between the Board of Directors and the Audit Committee is stipulated in Article 52 of the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company.

CHAPTER VII. IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 24. Effectiveness

1. These Regulations consist of 7 Chapters and 24 Articles approved unanimously by the General Meeting of Shareholders of Dat Phuong Group Joint Stock Company under Resolution No. 02/NQ-DP-ĐHĐCĐ dated April 25, 2026 and authorizing the Chairman of the Board of Directors to promulgate under Decision No. .../QĐ-ĐP-CT dated ... May 2026.
2. Copies or extracts of the Regulations on Operation of the Board of Directors shall be valid when bearing the signature of the Chairman of the Board of Directors or at least one-half (1/2) of the total members of the Board of Directors.

ON BEHALF OF THE
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed and sealed)

Luong Minh Tuan